

Phụ lục XI**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN M'ĐRẮK***(Kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh)***I. ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
	Thị trấn M'Đrắk			
1	Nguyễn Tất Thành (QL 26)	Km 63 + 700 (cầu Y Thun)	Km 64 + 700 (ngã ba đường B. Phao)	1.20
		Km 64 + 700 (ngã ba đường buôn Phao)	Km 65 + 200 (giáp ranh giới đất Trường Mầm non)	1.20
		Km 65 + 200 (giáp ranh giới Trường Mầm non)	Km 65 +500 (hết ranh giới đất Trường Kim Đồng)	1.20
		Km 65 + 500 (hết ranh giới đất Trường Kim Đồng)	Km 65 + 680 (hết ranh giới đất Bảo hiểm xã hội)	1.20
		Km 65 + 680 (hết ranh giới đất Bảo hiểm xã hội)	Km 65 + 760 (Cầu ông Tri)	1.20
		Km 65 + 760 (cầu ông Tri)	Km 66 + 300 (giáp ranh xã Krông Jing)	1.20
2	Bà Triệu	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Trần Hưng Đạo	1.20
		Trần Hưng Đạo	Hết đường	1.20
3	Hùng Vương về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	1.20
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1.20
4	Tôn Thất Tùng .	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 110 (Hội trường khối 7)	1.20
		Từ km 0 + 110 (Hội trường Khối 7)	Phan Bội Châu	1.20
5	Trần Phú	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1.20
6	Ngô Quyền (về 2 phía QL 26)	Km 0	Hết đường Phan Bội Châu	1.20
		Phan Bội Châu	Giáp đường vành đai thị trấn	1.20
		Km 0	Ngã tư hết đất nhà ông Bình	1.20
		Ngã tư hết đất nhà ông Bình	Hết đường	1.20
7	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tất Thành (Tòa án)	Phan Bội Châu	1.20
		Phan Bội Châu	Đường vành đai phía Nam thị trấn	1.20

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Đường vành đai Nam thị trấn	Hết đường	1.20
8	Lê Lợi về 2 phía	Nguyễn Tất Thành	Km 0 + 200 (hết đất nhà bà Cư)	1.20
9	Nguyễn Trãi (Trừ Khu QH Tổ dân phố 6)	Nguyễn Tất Thành	Phan Bội Châu	1.20
		Đường vành đai phía Nam thị trấn	Hết đường	1.20
10	An -D- Vương (Đài TT-TH)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	1.20
11	Hoàng Diệu về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	1.20
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	An Dương Vương	1.20
12	Giải Phóng	Đất ông Sơn (Công An) tại km 0	Phan Bội Châu	1.20
13	Trục dọc song song sau trạm điện (Trừ khu QH tổ dân phố 11 trước Trạm y tế và sau sân vận động)	Lý Thường Kiệt	Ngô Quyền	1.20
14	Lê Duẩn	Từ đường vào Huyện đội	Nguyễn Trãi	1.20
15	Đường vào Huyện đội	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cổng Huyện đội	1.20
16	Đường trục dọc khu XN gỗ	Hoàng Diệu	Hết đường (sau Trạm Thú y)	1.20
17	Trục ngang tại khu vực XN gỗ	Từ trục dọc sau Trạm Thú y	Đến đường trước Trường Hùng Vương	1.20
18	Các đường ngang còn lại thông ra đường QL26	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 200	1.20
19	Các hẻm ngang thông ra đường QL 26	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 200	1.20
20	Bùi Thị Xuân (đi B.Phao)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cầu buôn Phao	1.20
		Cầu buôn Phao	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	1.20
21	Quang Trung	Ranh giới đất nhà ông Vịnh (khối 1)	Trần Hưng Đạo	1.20
22	Trần Hưng Đạo (sau chợ Thị trấn)	Quang Trung	Bà Triệu	1.20
		Bà Triệu	Hết đường	1.20

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
23	Phan Bội Châu (Trừ Khu QH Tổ dân phố 6)	Giải Phóng	Ngô Quyền	1.20
24	Các đường dọc còn lại trong Nội thị			1.20
25	Đường ngang dưới khu chợ	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 +100 (giáp đường Trần Hưng Đạo)	1.20
26	Kí ốt chợ	Các lô chợ lồng và 16m2		1.20
		Các lô 24m2		1.20
27	Đường Tây Nam thị trấn (Trừ Khu QH Tổ dân phố 6)	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Hoa	Đường Ngô Quyền	1.20
		Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Trãi	1.20
		Đường Nguyễn Trãi	Hết đất nhà bà Hoàng Thị Phòng	1.20
		Hết đất nhà bà Hoàng Thị Phòng	Giáp ranh giới xã Krông Jing	1.20
28	Khu QH dân cư mới Tổ dân phố 6 (giáp BCH quân sự huyện)			1.20
	Đường QH tuyến số 1 (Đường vành đai)	Ngã tư Nguyễn Trãi và đường Vành đai	Giáp đất nhà ông Tráng	1.20
	Đường QH tuyến số 2 (Đường Nguyễn Trãi)	Phan Bội Châu	Đường vành đai	1.20
	Đường QH tuyến số 3 (Đường Phan Bội Châu)	Ngã tư Nguyễn Trãi và Phan Bội Châu	Đường QH tuyến số 4	1.20
	Đường QH tuyến số 4	Đường Phan Bội Châu	Đường vành đai	1.20
	Đường QH tuyến số 5	Đường Nguyễn Trãi	Hết đường quy hoạch	1.20
29	Khu QH dân cư mới Tổ dân phố 9 (gần trường THCS Hùng Vương)			1.20
	Đường QH mới	Ngã ba đường Giải Phóng và đường Phan Bội Châu	Đường Vành đai	1.20
	Đường QH mới	Ngã tư đường Phan Bội Châu và đường An Dương Vương	Hết đường QH	1.20
	Đường ngang thông ra đường Giải Phóng			1.20
	Đường đối diện lò mổ			1.20
	Đường dọc quy hoạch dân cư khu F			1.20
30	Khu QH dân cư Tổ dân phố 11			1.20

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
	Đường QH mới	Ngã tư đường Lý Thường Kiệt và đường Vành đai	Hết đường quy hoạch	1.20
	Đường QH mới	Ngã tư đường Ngô Quyền và đường vành đai	Hết đường quy hoạch	1.20
	Đường ngang thông ra đường vành đai			1.20
31	Khu QH dân cư Tổ dân phố 11 (Trước Trạm Y tế - Sau sân vận động)			1.20
	Tuyến đường số 2 (đôi diện trạm y tế)	Đầu tuyến	Cuối tuyến	1.20
	Tuyến đường số 3 (sau sân vận động)	Đầu tuyến	Cuối tuyến	1.20
32	Đường Khu dân cư Tổ dân phố 3	Cổng chào Tổ dân phố 3	Hết đường (nhà ông Nguyễn Phúc Kiều)	1.20
33	Khu dân cư còn lại nội Thị			1.20
34	Khu dân cư Tổ dân phố 3, Tổ dân phố 4 (trừ khu vực đã có)			1.20
35	Các trục ngang thông ra đường Quang trung, đường Phan Bội Châu, Đường Vành đai thị trấn Km 0 đến Km 0+100			1.20

II ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
I	Xã Ea Trang			
1	Quốc lộ 26	Km 30 giáp địa giới tỉnh Khánh Hoà	Km 34 + 500 Trạm kiểm Lâm số 1	1.00
		Km 34 + 500 Trạm Phúc kiểm số 1	Km 36 + 500 (ngã ba Ea Krông)	1.00
		Km 36 + 500 (ngã ba Ea Krông)	Km 40 + 100 (Trạm Y tế xã)	1.00
		Km 40 +100 (Trạm Y tế xã)	Km 43 + 300 (ngã ba đi Ea Bra)	1.00
		Km 43 + 300 (ngã ba đi Ea Bra)	Km 45 + 300 (cầu Ba Danh)	1.00
		Km 45 + 300 (cầu Ba Danh)	Km 48 (buôn M'Guê)	1.00
		Km 48 (buôn M'Guê)	Km 49 + 500 (nhà ông Tranh)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Km 49 + 500 (nhà ông Tranh)	Km 50 + 500 (giáp địa giới xã Cư M'Ta)	1.00
2	Đường vào Ea Krông	Km 0 (từ Đài Tưởng niệm)	Km 2 (nhà Y Ngang)	1.00
		Km 2 (nhà Y Ngang)	Hết buôn Ea Boa	1.00
3	Khu dân cư còn lại			1.00
II	Xã Cư M'Ta			
1	Quốc lộ 26	Km 50 + 500 giáp xã Ea Trang	Km 56 + 400 (đường Bít cũ)	1.00
		Km 56 + 400(đường Bít cũ)	Km 59 + 400 (hết đất nhà ông Hồng,Th 19)	1.00
		Km 59 + 400 (hết đất nhà ông Hồng)	Km 61 + 400 (hết buôn Năng)	1.00
		Km 61 + 400 (hết buôn Năng)	Km 62 + 100 (hết ranh giới đất nhà bà Tiềm, buôn 2)	1.00
		Km 62 + 100 (hết ranh giới đất nhà bà Tiềm buôn 2)	Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trạm Thủy văn)	1.00
		Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trạm Thủy văn)	Km 63 + 700 (ranh giới Thị trấn)	1.00
2	Các trục ngang cắt QL 26	Trục đường đi xã Cư Kroá, từ km 0	Km 1 giáp ranh xã Cư Kroá	1.00
		Trục thôn Tân Lập giáp Thị trấn km 0	Giáp đường bao Thị trấn kéo dài	1.00
		Các trục còn lại km 0	Km 0 + 200	1.00
		Từ km 0 + 200 trở đi		1.00
3	Đường Bùi Thị Xuân (đi B.Hhao)	Cầu buôn Phao	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	1.00
4	Đường buôn Bhao đi thôn 1 Quyết Thắng	Từ ngã ba buôn Bhao (nhà ông Ma Nghen)	Đến hết ranh giới đất nhà ông Nga thôn 1	1.00
5	Đường mới phía Tây Nam thị trấn kéo dài	Giáp Quốc lộ 26	Hết điểm trường mầm non Hoa sen	1.00
		QL 26 + 300 m	Giáp ranh giới Thị trấn	1.00
		Các tuyến đường cắt ngang tiếp giáp còn lại đến 100 m		1.00
6	Khu dân cư còn lại			1.00
III	Xã Krông Jing			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 26	Km 66 + 300	Km 66 + 500 (hết đất UBKHHGD)	1.00
		Km 66 + 500 (hết đất UBKHHGD)	Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	1.00
		Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	Km 67 + 800 (hết khu dân cư buôn Aê Lai)	1.00
		Km 67 + 800 (hết khu DC buôn Aê Lai)	Km 69 + 500 (qua trại bò huyện)	1.00
		Km 69 + 500 (qua trại bò huyện)	Suối Ea Huê	1.00
		Suối Ea Huê	Km 76 + 650 (giáp ranh Ea Pil)	1.00
2	Đường đi 715	Km 0 (nhà ông Tiến Thảo)	Km 0 + 600 (cầu buôn Mlók)	1.00
		Km 0 + 600 (cầu buôn Mlók)	Km 3 + 500 (buôn Choăh đường đi xã Ea Lai)	1.00
		Km 3 + 500 (buôn Choăh đường đi xã Ea Lai)	Km 4 + 900 (giáp ranh xã Ea Riêng)	1.00
3	Các trục ngang đường 715	Km 0 (buôn M'Lók)	Hết đất khu dân cư buôn Hoang	1.00
		Từ hết đất khu dân cư buôn Hoang	Ngầm 4 giáp ranh xã Ea Lai	1.00
		Km 0 (buôn Choăh)	Hết ranh giới đất nhà ông Minh, giáp ranh xã Ea Lai	1.00
		Km 0 (buôn M'Găm)	Giáp ranh giới thị trấn	1.00
4	Đường đi xã Krông Á	Km 0 (QL 26)	Km 0 + 500 (Nhà ông Kiểm)	1.00
		Km 0 + 500 (Nhà ông Kiểm)	Km 0 + 800 (giáp đất nhà ông Hàng buôn Trung)	1.00
		Km 0 + 800	Giáp đường Trường sơn đông(buôn Um)	1.00
		Giáp đường Trường sơn đông(buôn Um)	Giáp ranh giới xã Krông Á	1.00
5	Đường vào Trường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 26	Hết đường	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
6	Dãy 2 khu quy hoạch trung tâm xã và dãy 2 quy hoạch đường vào Trường Trần Hưng Đạo			1.00
7	Dãy 2 khu quy hoạch trại bò huyện và dãy 2 khu quy dân cư buôn Aê Lai			1.00
8	Đường mới phía Tây Nam thị trấn kéo dài	Giáp ranh giới Thị trấn	Giáp Quốc lộ 26 (ngã ba buôn Tai)	1.00
9	Đường Trường Sơn Đông	Km 519 (TL13 cũ)	Km 521 (cầu M' Năng)	1.00
		Km 521 (cầu M' Năng)	Km 523 +500 (Ngã ba buôn cầu M' Um)	1.00
10	Khu dân cư còn lại			1.00
IV	Xã Ea Pil			
1	Quốc lộ 26	Km 76 + 650 (giáp ranh xã KrôngJing)	Hết ranh giới đất nhà ông Trí	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Trí	Đến Km 78	1.00
		Hết hội trường thôn 1	Km 79 + 200 (hết ranh giới đất nhà ông Nhiên) thôn 9	1.00
		Km 79 + 200 (hết ranh giới đất nhà ông Nhiên) thôn 9	Km 80 + 600 (cây xăng Nguyệt Thoại) thôn 2	1.00
		Km 80 + 600 (cây xăng Nguyệt Thoại) thôn 2	Km 81 + 50 (hết ranh giới đất bà Hiền Ngụ)	1.00
		Km 81 + 50 (hết ranh giới đất bà Hiền Ngụ)	Hết ranh giới đất bà Dự (đường vào nghĩa địa)	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất bà Dự (đường vào nghĩa địa)	Km 84 (giáp ranh xã Ea Tý - Huyện Ea Kar)	1.00
2	Trục ngang từ QL 26 đi thôn 8	Km 0	Hết ranh giới đất nhà ông Hảo, thôn 11	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Hảo thôn 11	Hết ranh giới đất nhà ông Chiến, thôn 11	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Chiến thôn 11	Hết đường	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
3	Quốc lộ 26 nhà bà Dự thôn 3 đi dốc Nín thờ	Km 0	Km 0 + 300	1.00
		Km 0 + 300	Km 0 + 600	1.00
4	Đường nội thôn 1	Km 0 (cây gạo)	Giáp đường liên xã Cur Prao (nhà trẻ Đắk Tân)	1.00
		Km 0 (QL 26)	Làng Thái thôn 1 (hết ranh giới đất nhà ông Khuê)	1.00
5	Đường đi xã Cur Prao	Từ km 0 (QL26)	Km 0 + 600	1.00
		Km 0 + 600	Giáp công ty Hương Toàn Lộc	1.00
		Công ty Hương Toàn Lộc	Hết ranh giới nhà ông Đạt	1.00
		Hết ranh giới nhà ông Đạt	Giáp xã Cur Prao	1.00
6	Đường liên thôn 9 đi thôn 13	Km 0 (QL 26)	Hết ranh giới hội trường thôn 13	1.00
7	Đường liên thôn 2 đi thôn 9	Nhà bà Luyến (sau UBND xã)	Hết ranh giới nhà ông Hoàn thôn 9	1.00
8	Đường liên thôn 4 đi thôn 6	Km 0	Km 0 + 300 (hết đất ông Tiên)	1.00
		Km 0 + 300 (hết đất ông Tiên)	Hết ranh giới đất nhà ông Thăng thôn 6	1.00
9	Đường nội thôn 10 (đường đi lò vôi)	Km 0 (QL 26)	Km 0 + 600	1.00
10	Khu dân cư còn lại			1.00
V	Xã Cur Prao			
1	Đường giao thông chính	Giáp ranh giới xã Ea Lai	Giáp ranh giới đất nhà bà Nhiên Siêu (thôn 5)	1.00
		Giáp ranh giới đất nhà bà Nhiên Siêu (thôn 5)	Giáp khu Trung tâm cụm xã (giáp đầu đường bao Quy hoạch khu trung tâm)	1.00
		Ngã ba nhà ông Toàn	Giáp ranh giới xã Ea Pìl	1.00
2	Khu Trung tâm cụm xã	Các trục đường chính (đi thôn 7)	Ngã ba nhà ông Toàn Hoài qua 100m và đường TL 13 đến cây xăng thủy trình	1.00
3	Trục đi thôn 10	Giáp đường bao Trung tâm cụm xã	Đến 600m	1.00
		Từ 600m trở đi		1.00
4	Trục đi thôn 7	Ngã ba nhà ông Toàn Hoài qua 100m	Đến 600m	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Từ 600m trở đi		1.00
5	Trục đường đi Buôn Pa	Hết cây xăng Thùy Trinh	Ngầm ông Ba Long	1.00
		Ngầm ông Ba Long	Ngầm ông Vịnh (hết thôn 3)	1.00
		Từ ngầm ông Vịnh	Thôn 1	1.00
6	Đường khu vực Buôn Pa	Giáp ranh giới xã Ea M'Lây (đường buôn Pa cũ)	Giáp đường Tỉnh lộ đi Phú Yên	1.00
		Đập thủy điện Krông Hnăng	Nhà ông Võ Thanh Tiến (Đắc Phú)	1.00
		Nhà ông Võ Thanh Tiến (Đắc Phú)	Ranh giới Ea Kly - H. Sông Hinh - Phú Yên	1.00
7	Đường mới khu tái định cư buôn Zô	Từ ngã ba nhà ông Thành	Giáp đường buôn Pa cũ	1.00
8	Các trục đường bao khu trung tâm			1.00
9	Khu dân cư còn lại			1.00
VI	Xã Ea Lai			
1	Đường chính đi Ea M'lây	Giáp ranh xã Krông Jing nhà ông Huệ	UBND xã Ea Lai + 500m	1.00
		UBND xã Ea Lai + 500m	Ngã 3 đường ĐTSơn +200m	1.00
		Ngã 3 đường ĐTSơn +200m	Giáp ranh giới xã Ea M'lây (dốc đỏ thôn 5)	1.00
2	Đường liên xã	Ngã ba (quán bà Lý thôn 6)	Giáp ranh Tỉnh lộ 13 (đường đi xã Cư Pao)	1.00
3	Tỉnh lộ 13	Ngầm số 4 (suối Ea Pa)	Hết ranh giới đất nhà ông Quang	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Quang	Ngầm số 5 (suối Ea Kô) giáp ranh giới xã Cư Pao	1.00
4	Đường liên thôn (thôn 1 đi thôn 7)	Ngã ba nhà ông Hải	Đến hết thôn 7	1.00
5	Đường liên thôn (thôn 6 đi thôn 11)	Ngã ba Trạm Y tế	Đến hết thôn 11	1.00
6	Đường liên thôn (thôn 1 đi Ea Riêng)	Ngã ba nhà ông Thông	Giáp thôn 2 xã Ea Riêng	1.00
7	Đường liên thôn (thôn 9 đi thôn 7)	Từ nghĩa địa	Đến cầu tỉnh đội	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
8	Các vị trí còn lại			1.00
VII	Xã Ea M'lay			
1	Đường giao thông chính	Giáp ranh giới xã Ea Riềng	Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Văn Lực	1.00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lưu Văn Lực	Tại ngã ba có đường xuống đập 36	1.00
		Tại ngã ba có đường xuống đập 36	Cách ranh giới thửa đất nhà ông Lưu Minh Oai 100m	1.00
		Cách ranh giới thửa đất nhà ông Lưu Minh Oai 100m	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Bảo	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Bảo	Hết ngã ba đường nhựa (nhà ông Lê văn Liên Thôn 10)	1.00
		Dốc đỏ (giáp ranh xã Ea Lai)	Thôn 10 (đường đi buôn Pa cũ)	1.00
		Ngã ba Công ty 715 B	Ngã ba nhà ông Khai	1.00
2	Đường liên xã	Giáp thôn 6 xã Ea Riềng	Ngã ba thôn 4 (nhà ông Lê Văn Dũng)	1.00
3	Đường liên thôn	Cổng chào thôn 6	Hết hội trường thôn 6	1.00
4	Khu QH dân cư mới thôn 4	Đường QH tuyến 2: giao thông chính	Đường quy hoạch	1.00
5	Khu dân cư còn lại			1.00
VIII	Xã Ea Riềng			
1	Đường 715 (đường LTL 13)	Km 4 + 900 (giáp ranh với xã Krông Jing)	KM 11 + 50 (UBND xã)	1.00
		Km 11 + 50 (UBND xã)	Km 13 + 600 (ngã ba kho chế biến NT 715A + 100)	1.00
		Km 13 + 600 (ngã ba kho chế biến NT 715A+100)	Km 14 + 500 (qua Phòng khám bệnh viện 100m)	1.00
		Km 14 + 500 (qua Phòng khám bệnh viện 100m)	Ranh giới xã Ea Mđoan	1.00
2	Khu quy hoạch dân cư mới thôn 20 (bán đầu giá)	Đầu tuyến QH	Hết tuyến QH	1.00
3	Đường đi xã Ea M'LAY	Km 0 (ngã ba kho chế biến) thôn 17	Hết ranh giới đất nhà ông Chiến Lâm	1.00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Chiến Lâm	Giáp ranh giới xã Ea M'lay	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
4	Đường đi xã Cư M'ta	Km 0 (Trạm biến áp)	Giáp ranh giới xã Cư M'ta	1.00
5	Đường đi xã Cư Kroá	UBND xã	Giáp ranh giới xã Cư Kroá	1.00
6	Các trục đường ngang còn lại từ giáp ranh giới xã Krông Jing đến xã Ea Mđoal	Km 0 (tiếp giáp đường Tỉnh lộ 691)	Km 0 + 300	1.00
7	Khu QH dân cư mới thôn 9	Tuyến 5: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	1.00
		Tuyến 4: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	1.00
		Tuyến 3: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	1.00
		Tuyến 2: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	1.00
		Tuyến 6: Ngã ba QL QH tuyến 5	Ngã ba đường QH tuyến số 2	1.00
8	Khu QH dân cư mới thôn 13	Tuyến 2: Đường GTchính đi Ea Mlây	Ngã ba đường QH tuyến số 3	1.00
		Tuyến 4: Đường GTchính đi Ea Mlây	Ngã ba đường QH tuyến số 3	1.00
		Tuyến 3: Đường GTchính đi Ea Mlây	Ngã ba đường QH tuyến số 3	1.00
9	Dãy 2 dân cư thôn 9			1.00
10	Dãy 2 dân cư thôn 18			1.00
11	Khu dân cư còn lại			1.00
IX	Xã Ea Mđoal			
1	Đường giao thông chính	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	Cổng NT 715 C	1.00
		Cổng NT 715 C	Hết ranh giới đất ông Cảnh (đường tránh vào thủy điện)	1.00
		Hết ranh giới đất ông Cảnh (đường tránh vào thủy điện)	Hết ranh giới đất nhà ông Tâm	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Tâm	Hết ranh giới đất nhà ông Hiệu	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Hiệu	Cầu Ea Mđoal+ 500 m	1.00
		Cầu Ea Mđoal+ 500 m	Giáp ranh giới xã Sông Hinh (Phú Yên)	1.00
2	Khu dân cư còn lại			1.00
X	Xã Cư Kroá			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
1	Đường giao thông chính	Giáp ranh với xã Cư Mta	Ngầm (gần nhà ông Đinh Vũ Đang)	1.00
		Ngầm (gần nhà ông Đinh Vũ Đang)	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	1.00
2	Quốc lộ 26	Km 50 + 500 giáp xã Ea Trang	Km 56 + 400 đèo M'đrăk (đường Bít cũ)	1.00
3	Khu dân cư còn lại			1.00
XI	Xã Krông Á			
1	Đường giao thông chính	Tuyến đường đi từ giáp ranh xã Krông Jing	Hết ranh giới đất nhà ông Cẩm	1.00
		Ngã ba đường đi thôn 4	Ngã ba thôn 3 (nhà ông An) + 200	1.00
		Ngã ba thôn 3 (nhà ông An) + 200	Giáp ranh giới xã Cư San	1.00
		Ngã ba nhà ông Tuấn Hòa vào Trung Nguyên	Hết ranh giới đất nhà ông Tồn, thôn 1	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Tồn thôn 1	Đường đi thôn 1, tới ngã ba nhà ông An	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Cẩm	Hết ranh giới đất nhà bà Đang	1.00
2	Đường Trường Sơn Đông	Hết ranh giới đất nhà ông Cẩm	Nhà ông Chu Văn Nổ (hết đường sân bay)	1.00
3	Khu dân cư còn lại			1.00
XII	Xã Cư San			
1	Đường giao thông chính từ Krông Á vào	Từ cầu vào thôn 11	Hết đường nhựa thôn 9	1.00
		Cầu đi vào thôn 8	Hết ranh giới đất nhà Dũng + 50m	1.00
		Ngã ba đường lớn thôn 8 vào xã (nhà ông Tùng)	Đến hết đất Lý Thanh Tùng thôn 5	1.00
2	Đường giao thông nông thôn	Ngã ba Trường tiểu học Bùi Thị Xuân	Hết cầu thôn 11	1.00
		Ngã ba thôn 9 đi thôn 10	Hết ranh giới đất nhà ông Báo, thôn trưởng thôn 10	1.00
3	Đường giao thông chính từ Ea Trang vào Ea Krông	Ngã ba Ea Krông	Đến nhà ông Dương Trung Định	1.00
			Đến Ngã ba sông chò	1.00
4	Khu dân cư còn lại			1.00

Phụ lục XII**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG BÔNG***(Kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh)***I. ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
	Thị trấn Krông Kmar			
1	9-5	Nút giao thông Ngã năm vào khu du lịch Krông Kmar	Ngã ba 9-5 và Lê Hồng Phong	1.20
		Ngã ba 9-5 và Lê Hồng Phong	Hết thửa đất nhà ông Bùi Thanh Tịnh (Thửa 1, tờ 62), giáp đường đất	1.20
		Hết thửa đất nhà ông Bùi Thanh Tịnh (Thửa 1, tờ 62), giáp đường đất	Hết đất vườn nhà ông Chiến (Giáp đường đất vào đường Má Hai)	1.20
		Hết đất vườn nhà ông Chiến (Giáp đường đất vào đường Má Hai)	Hết đất vườn nhà ông Điền (Thửa 53, tờ 10)	1.20
		Hết đất vườn nhà ông Điền (Thửa 53, tờ 10)	Giáp ranh xã Hoà Sơn (Giáp nương nước)	1.20
		Ngã ba 9-5 và Hai Bà Trưng	Ngã ba 9-5 và Nguyễn Thị Định	1.20
		Ngã ba 9-5 và Nguyễn Thị Định	Giáp cổng Xi phông	1.20
		Từ cổng Xi phông	Giáp ngã ba buôn Ja	1.20
		Từ ngã ba buôn Ja	Giáp khu vực du lịch Krông Kmar	1.20
2	30-4	Giáp ranh xã Hoà Sơn	Giáp nương thủy lợi	1.20
		Giáp nương thủy lợi	Ngã ba 30-4 và Tân Đà	1.20
		Ngã ba 30-4 và Tân Đà	Giáp mặt sau Nghĩa trang liệt sĩ huyện	1.20
		Đầu thửa đất nhà ông Phạm Quốc Hùng (Mương thủy lợi ngã 5)	Ngã tư 30-4 và Lý Thường Kiệt (Thửa đất ông Đặng Ngọc Cẩn)	1.20
3	A Ma Pui	Ngã ba A Ma Pui và Hồ Xuân Hương	Ngã ba A Ma Pui và 30-4	1.20
4	Điện Biên Phủ	Ngã ba Điện Biên Phủ và Nguyễn Tất Thành	Ngã tư Điện Biên Phủ và Võ Văn Kiệt	1.20
		Ngã tư Điện Biên Phủ và Võ Văn Kiệt	Ngã ba Điện Biên Phủ và Tôn Đức Thắng	1.20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
5	Đinh Núp	Ngã ba Đinh Núp và Nguyễn Tất Thành	Ngã tư Đinh Núp và Y Ngông	1.20
		Ngã tư Đinh Núp và Y Ngông	Ngã tư Đinh Núp và Điện Biên Phủ	1.20
6	Đinh Tiên Hoàng	Ngã tư Đinh Tiên Hoàng và Phạm Văn Đồng	Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Đinh Tiên Hoàng	1.20
7	Hai Bà Trưng	Ngã ba Hai Bà Trưng và 9-5	Ngã tư Hai Bà Trưng và Lạc Long Quân	1.20
		Ngã tư Hai Bà Trưng và Lạc Long Quân	Ngã ba Hai Bà Trưng và Lê Quý Đôn	1.20
		Ngã ba Hai Bà Trưng và Lê Quý Đôn	Ngã ba Hai Bà Trưng và Điện Biên Phủ	1.20
8	Hoàng Hoa Thám	Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Hoàng Hoa Thám	Ngã ba Hoàng Hoa Thám và Lê Hồng Phong	1.20
9	Hồ Xuân Hương	Ngã ba Hồ Xuân Hương và 30-4 (Giáp mương thủy lợi)	Ngã tư Hồ Xuân Hương và Nam Cao	1.20
		Ngã tư Hồ Xuân Hương và Nam Cao	Ngã ba Hồ Xuân Hương và Lạc Long Quân	1.20
		Ngã ba Hồ Xuân Hương và Lạc Long Quân	Ngã ba Hồ Xuân Hương và A Ma Pui	1.20
		Ngã ba Hồ Xuân Hương và A Ma Pui	Ngã ba Hồ Xuân Hương và Tân Đà (Nhà văn hoá tổ dân phố 7)	1.20
10	Lạc Long Quân	Ngã ba Lạc Long Quân và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Lạc Long Quân và Hồ Xuân Hương	1.20
		Ngã ba Lạc Long Quân và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Lạc Long Quân và Nguyễn Thị Định	1.20
11	Lê Anh Xuân	Ngã ba Lê Anh Xuân và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Lê Anh Xuân và Hồ Xuân Hương	1.20
12	Lê Hồng Phong	Giáp ranh Trạm Viễn thông huyện	Ngã ba Lê Hồng Phong và Má Hai	1.20
		Ngã ba Lê Hồng Phong và Má Hai	Ngã ba Lê Hồng Phong và Hoàng Hoa Thám	1.20
		Ngã ba Lê Hồng Phong và Hoàng Hoa Thám	Hết thửa đất nhà ông Trần Văn Bạ	1.20
13	Lê Lai	Ngã ba Lê Lai và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Lê Lai và Đường sau chợ trung tâm huyện	1.20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Ngã ba Lê Lai và Đường sau chợ trung tâm huyện	Ngã ba Lê Lai và Hai Bà Trưng	1.20
14	Lê Quý Đôn	Ngã ba Lê Quý Đôn và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Lê Quý Đôn và Hai Bà Trưng	1.20
15	Lý Thường Kiệt	Ngã ba Lý Thường Kiệt và Nam Cao	Ngã ba Lý Thường Kiệt và Phạm Văn Đồng	1.20
16	Má Hai	Ngã ba Má Hai và Lê Hồng Phong (Sau TTGD thường xuyên)	Đến cuối đường Má Hai (Ngã ba hướng ra đường 9-5)	1.20
17	Nam Cao	Nút giao thông Ngã năm trung tâm huyện	Ngã ba đường hẻm bên cạnh nhà ông Nguyễn Đông (Thửa 22, TĐĐ 43)	1.20
		Ngã ba đường hẻm bên cạnh nhà ông Nguyễn Đông (Thửa 22, TĐĐ 43)	Ngã ba Nam Cao và Lý Thường Kiệt	1.20
		Ngã ba Nam Cao và Lý Thường Kiệt	Ngã tư Nam Cao và Hồ Xuân Hương	1.20
		Ngã tư Nam Cao và Hồ Xuân Hương	Đến hết đường (Thửa đất ông Bùi Đình Sơn)	1.20
18	Nguyễn Công Trứ	Ngã ba Hoàng Hoa Thám và Nguyễn Công Trứ	Ngã tư Nguyễn Công Trứ và Y Ôn	1.20
		Ngã tư Nguyễn Công Trứ và Y Ôn	Hết thửa đất nhà ông Huỳnh Bồn	1.20
19	Nguyễn Huệ (Tỉnh lộ 9)	Ngã tư tổ dân phố 6	Đến hết thửa đất Trạm y tế thị trấn	1.20
		Đến hết thửa đất Trạm y tế thị trấn	Mương thủy lợi (Bệnh viện Đa khoa huyện)	1.20
		Mương thủy lợi (Bệnh viện Đa khoa huyện)	Cổng chào văn hoá tổ dân phố 8	1.20
		Cổng chào văn hoá tổ dân phố 8	Giáp ranh xã Khuê Ngọc Điền	1.20
20	Nguyễn Tất Thành (Tỉnh lộ 12)	Giáp ranh xã Hoà Sơn	Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Y Ôn	1.20
		Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Y Ôn	Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Phạm Văn Đồng	1.20
		Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Phạm Văn Đồng	Giáp ranh đất Công an huyện	1.20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Giáp ranh đất Công an huyện	Nút ngã 5 vào khu du lịch Krông Kmar	1.20
		Nút ngã năm vào khu du lịch Krông Kmar	Giáp chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.20
		Giáp chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hết cây xăng dầu Nam Tây nguyên	1.20
		Hết cây xăng dầu Nam Tây nguyên	Ngã tư tổ dân phố 6	1.20
		Ngã tư tổ dân phố 6	Giáp cầu sắt	1.20
21	Nguyễn Thị Định	Ngã ba Nguyễn Thị Định và 9-5	Ngã ba Nguyễn Thị Định và Lạc Long Quân	1.20
22	Phạm Văn Đồng	Ngã tư Phạm Văn Đồng và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Phạm Văn Đồng và Lý Thường Kiệt	1.20
		Ngã ba Phạm Văn Đồng và Lý Thường Kiệt	Ngã ba Phạm Văn Đồng và 30-4	1.20
23	Tân Đà	Ngã ba Tân Đà và Nguyễn Huệ (Bệnh viện đa khoa huyện)	Ngã ba Tân Đà và 30-4	1.20
24	Tôn Đức Thắng	Ngã tư tổ dân phố 6	Ngã ba Tôn Đức Thắng và Y Ngông	1.20
		Ngã ba Tôn Đức Thắng và Y Ngông	Giáp cầu treo, tổ dân phố 6	1.20
25	Tôn Thất Tùng	Ngã ba Tôn Thất Tùng và Nguyễn Huệ (Giáp nương thủy lợi bệnh viện)	Ngã ba Tôn Thất Tùng và 30-4	1.20
26	Trần Phú	Ngã ba Trần Phú và Đinh Núp	Ngã ba Trần Phú và Tôn Đức Thắng (Nhà văn hoá tổ dân phố 6)	1.20
27	Võ Văn Kiệt	Ngã tư Võ Văn Kiệt và Lê Quý Đôn	Ngã tư Võ Văn Kiệt và Điện Biên Phủ	1.20
		Ngã tư Võ Văn Kiệt và Điện Biên Phủ	Ngã ba Võ Văn Kiệt và Đinh Núp	1.20
28	Y Ngông	Ngã ba Y Ngông và Điện Biên Phủ	Ngã ba Y Ngông và Tôn Đức Thắng	1.20
29	Y Jút	Ngã ba Y Jút và Điện Biên Phủ	Ngã ba Y Jút và Tôn Đức Thắng	1.20

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
30	Y Ôn	Ngã ba Y Ôn và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Y Ôn và Lê Hồng Phong	1.20
31	Y Thuyên Ksor	Ngã ba Y Thuyên và Lạc Long Quân	Giáp ngã tư nhà ông Đinh Văn Huy	1.20
32	Đường giao thông nội thị	Ngã ba Lê Lai (Sau chợ trung tâm huyện)	Ngã ba Lê Quý Đôn (Sau chợ trung tâm huyện)	1.20
		Ngã tư Đinh Tiên Hoàng và Phạm Văn Đồng	Giáp đất Công an huyện	1.20
		Đầu thửa đất nhà ông Huỳnh Mai (Sau UB huyện)	Hết thửa đất nhà ông Lê Văn Tài	1.20
		Giáp ngã tư nhà ông Đinh Văn Huy	Giáp thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Bá (Sau bưu điện huyện)	1.20
		Ngã ba bên hông sân vận động và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao nhau với Lê Hồng Phong	1.20
		Ngã ba đường Má Hai (Thửa đất ông Nguyễn Văn Thề)	Giáp ranh xã Hoà Sơn (Giáp nương nước)	1.20
		Ngã ba đường Má Hai (Thửa đất bà Mai Thị Tâm)	Giáp ranh xã Hoà Sơn (Giáp nương nước)	1.20
		Ngã ba Cống Xi Phong và 9-5 (Đường vào suối thanh niên)	Giáp đường bờ kè (Đất ông Lê Duy Phụng)	1.20
		Ngã ba Đài tưởng niệm thị trấn và Nguyễn Huệ	Giáp thửa đất ông Võ Hà Thu (Sau trường THCS Nguyễn Viết Xuân)	1.20
33	Đường phía sau khu dân cư mới giáp cây xăng Nam Tây Nguyên	Hết thửa 120, tờ 38	Hết thửa 15, tờ 30	1.20
		Ngã tư Nguyễn Tất Thành vào Khu dân cư mới (Thửa 74, tờ 30)	Hết Thửa 118, tờ 30	1.20
34	Các trục đường giao thông đô thị còn lại			1.20

II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
I	Xã Cư Drăm			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Cư Pui	Cầu Êa Găm	1.00
		Cầu Êa Găm	Cầu nhà bà Mí Tuấn	1.00
		Cầu nhà bà Mí Tuấn	Đầu ranh giới thửa đất vườn nhà ông Lò Văn Mai	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất vườn nhà ông Lò Văn Mai	Hết ranh Trạm Y tế xã	1.00
		Hết ranh Trạm Y tế xã	Ngã ba buôn Chàm	1.00
2	Đường đi Yang Mao	Ngã ba bà Lịch	Hết đất vườn nhà ông Dương Văn Tho	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Dương Văn Tho	Hết đất vườn nhà ông Ama Hậu	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Ama Hậu	Giáp ranh xã Yang Mao	1.00
3	Đường đi Yang Hăn	Ngã ba buôn Chàm	Cầu buôn Chàm A	1.00
		Cầu buôn Chàm A	Hết đất vườn nhà bà Liễu	1.00
		Hết đất vườn nhà bà Liễu	Cầu ông Mười	1.00
		Cầu ông Mười	Cầu ông Nguyên	1.00
		Cầu ông Nguyên	Cầu ông Tám	1.00
		Cầu ông Tám	Cổng nhà ông Lâm	1.00
		Cổng nhà ông Lâm	Giáp ranh huyện M'Đrăk	1.00
4	Đường giao thông nông thôn	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Bình	Cầu Quang Vui	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà bà Hiền Ty	Ngã ba nhà Ama Joét	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Thường	Ngã ba nhà Ama Châu	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Nhật	Ngã ba nhà Ama Tý	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Năm	Ngã ba nhà Y'Xú Niê	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà Vĩnh Hoàng	Giáp Bến xe	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà Mí Phương	Ngã ba nhà bà H'Joen	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Thái	Hết đất vườn nhà ông Ama Khoát	1.00
		Đầu buôn Tang Rang A	Đầu đập Ea Knao, xã Cư Drăm	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà bà Lịch	Hết đất vườn nhà ông Ama Ku	1.00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
5	Đường liên xã	Ngã ba nhà bà Liễu	Giáp ranh Thôn 1, xã Yang Mao	1.00
6	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại của buôn Cư Drăm			1.00
7	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại của buôn Chàm A			1.00
8	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại của buôn Chàm B			1.00
9	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
II	Xã Cư Kty			
1	Tỉnh lộ 9	Ngã ba cầu Chữ V về hướng Bắc	Ngã ba nhà ông Trần Thanh Phục	1.00
		Ngã ba nhà ông Trần Thanh Phục	Ngã ba nhà ông Lưu Châu	1.00
		Ngã ba nhà ông Lưu Châu	Ngã tư nhà ông Hồ Lưu Thành	1.00
		Ngã tư nhà ông Hồ Lưu Thành	Ngã tư Thăng Bình	1.00
		Ngã tư Thăng Bình	Cổng Văn hoá thôn 1	1.00
		Cổng Văn hoá thôn 1	Hết đất vườn ông Trương Văn Cường	1.00
		Hết đất vườn ông Trương Văn Cường	Hết đất vườn ông Trần Văn Đường	1.00
		Hết đất vườn ông Trần Văn Đường	Hết ranh trạm y tế xã Cư Kty	1.00
		Hết ranh trạm y tế xã Cư Kty	Ngã ba nhà ông Võ Quốc Ước	1.00
		Ngã ba nhà ông Võ Quốc Ước	Giáp ranh xã Dang Kang	1.00
2	Đường giao thông nông thôn	Ngã tư Thăng Bình (Về hướng Đông)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hà	1.00
		Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hà	Ngã tư thôn 2	1.00
		Ngã tư thôn 2	Ngã ba nhà ông Nguyễn Công Lành	1.00
		Ngã ba nhà ông Nguyễn Công Lành	Hết đất vườn nhà ông Võ Văn Tính	1.00
		Ngã tư thôn 2	Cổng bà Nha	1.00
		Cổng bà Nha	Cổng 3 sào	1.00
		Cổng 3 sào	Giáp đập Cư Đrang	1.00
		Ngã ba Thăng Bình (Về hướng Tây)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Quang	1.00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Quang	Ngã ba nhà ông Huỳnh Văn Mười	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất vườn ông Huỳnh Duy Hồng	Ngã ba sân vận động thôn 6	1.00
		Ngã ba sân vận động thôn 6	Ngã ba nhà ông Phan Thanh Bình	1.00
		Ngã ba nhà ông Phan Thanh Bình	Ngã ba nhà ông Phan Thanh Mìn	1.00
		Ngã ba nhà ông Phan Thanh Mìn	Cổng đồng Ăng ten	1.00
		Cổng đồng Ăng ten	Giáp ranh xã Ea Yiêng	1.00
		Hết ranh trạm y tế xã Cư Kty	Ngã ba Rừng le	1.00
		Ngã ba Rừng le	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Kim Tuấn	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Kim Tuấn	Hết đất vườn nhà ông Bùi Quang	1.00
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
III	Xã Cư Pui			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hoà Phong	Ngã ba đường đi buôn Ngô	1.00
		Ngã ba đường đi buôn Ngô	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y Khiêm (Buôn Lăk)	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y Khiêm (Buôn Lăk)	Ngã ba nhà ông Bùi Sỹ Giới (Buôn Lăk)	1.00
		Ngã ba nhà ông Bùi Sỹ Giới (Buôn Lăk)	Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Trọng Hoàng (Điện Tân)	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Trọng Hoàng (Điện Tân)	Hết ranh giới thửa đất của ông Trần Văn Bường (Điện Tân)	1.00
		Hết ranh giới thửa đất của ông Trần Văn Bường (Điện Tân)	Cầu Điện Tân (Êa Mun)	1.00
		Cầu Điện Tân (Êa Mun)	Ngã ba buôn Khanh (vào Cầu treo)	1.00
		Ngã ba buôn Khanh (vào Cầu treo)	Giáp ranh xã Cư Đrăm	1.00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
2	Đường giao thông nông thôn	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Đỗ Hữu Đức	Ngã ba đi hang đá Đăk Tuôr	1.00
		Ngã ba đi hang đá Đăk Tuôr	Hết khu dân cư	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Song	Đến bờ đập Ea Hmun	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Thơ	Hết khu dân cư	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất ông Ama Huy	Đầu cầu treo buôn Khanh	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Ama Thái	Hết khu dân cư	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất ông Lê Cảnh Sáng	Hết khu dân cư	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà bà Mí Ne	Hết đất vườn nhà ông Ama Hanh	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà bà H'Quang	Hết đất vườn nhà bà H'Rung	1.00
		Ngã ba đường đi buôn Ngô, xã Hòa Phong	Hết ngã ba đầu buôn Ngô A, xã Hòa Phong	1.00
		Cầu treo buôn Khóa	Ngã ba thôn Ea Uôi	1.00
		Ngã ba thôn Ea Uôi	Hết ranh giới vườn nhà ông Giàng A Xánh	1.00
		Hết ranh giới vườn nhà Ông Giàng A Xánh	Hết ranh giới vườn ông Hoàng Trung Tiến	1.00
		Hết ranh giới vườn ông Hoàng Trung Tiến	Hết thôn Cư Tê, xã Cư Pui	1.00
		Ngã ba thôn Ea Lang	Hết ranh giới vườn nhà ông Nguyễn Văn Quế	1.00
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
IV	Xã Dang Kang			
1	Tỉnh lộ 9	Giáp ranh xã Cư Kty	Đầu ranh giới thửa đất vườn bà Lê Thị Hồng (Cư Nun A)	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất vườn bà Lê Thị Hồng (Cư Nun A)	Hết đất vườn nhà ông Ama Pai (A)	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Ama Pai (A)	Hết đất nhà ông Huỳnh Lộc	1.00
		Hết đất nhà ông Huỳnh Lộc	Hết đất nhà ông Trần Xuân Quý	1.00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Hết đất nhà ông Trần Xuân Quý	Giáp ranh xã Tân Tiến - huyện Krông Pắc	1.00
2	Đường giao thông nông thôn	Ngã ba Hoà Thành	Giáp ranh xã Hoà Thành	1.00
		Ngã ba ông Hà Phiếu (Thôn 1)	Hết đất vườn ông Huỳnh Tỏ (Thôn 3)	1.00
		Hết đất vườn ông Huỳnh Tỏ (Thôn 3)	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Hồng	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà bà Châu Thị Tao (Thôn 3)	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Văn Dũng	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Ama Miên (Cư Nun A)	Nhà Văn Hóa Buôn Cư Nun A	1.00
		Nhà ông Trần Đình Tuy (Ko ÊMông)	Hết đất nhà ông Y Jim Byă	1.00
		Ngã 3 nhà ông Đặng Doãn (Buôn Cư Păm)	Hết vườn nhà ông Y Yăm Niê (Buôn Cư Păm)	1.00
		Ngã 3 nhà ông Huỳnh Thanh Hải (Buôn Dang Kang)	Hết vườn nhà ông Y Cep Byă (Buôn Dang Kang)	1.00
		Ngã 3 nhà bà H'Yuôn Niê (Buôn Dang Kang)	Hết vườn nhà ông Y Băm Ênuôl (Buôn Dang Kang)	1.00
		Ngã 3 nhà ông Y Nai Niê (Buôn Cư Păm)	Hết vườn nhà ông Y Ngê Niê (Buôn Dang Kang)	1.00
		Ngã ba nhà ông Y Bliết Êban (Buôn Cư Păm)	Hết vườn nhà ông Trần Xuân Hùng (Buôn Cư Păm)	1.00
		Đầu ranh giới nhà ông Nguyễn Trung Kiên	Hết nhà ông Trần Phú Quỳnh	1.00
		Đầu ranh giới nhà ông Huỳnh Lộc	Hết nhà ông Y Nit Niê	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Ama Pai (A)	Hết vườn nhà ông Y Sam Byă	1.00
		Đầu ranh giới nhà ông Y Bliêc Niê (B)	Hết vườn nhà ông Y Ớt Byă (B)	1.00
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
V	Xã Ea Trul			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hoà Sơn	Cầu thôn 3 Ea Trul	1.00
		Cầu thôn 3 Ea Trul	Hết đất vườn nhà ông Trịnh Minh Hùng	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Trịnh Minh Hùng	Hết đất vườn nhà ông Bùi Thắng Lực	1.00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Hết đất vườn nhà ông Bùi Thắng Lực	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y'Khon	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y'Khon	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y'Miên Byă	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y'Miên Byă	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Y'Duyệt	1.00
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Y'Duyệt	Hết ranh giới đất vườn ông Trương Quang Toàn	1.00
		Hết ranh giới đất vườn ông Trương Quang Toàn	Giáp ranh xã Yang Reh	1.00
2	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
VI	Xã Hòa Lễ			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Khuê Ngọc Điền	Hết đất vườn ông Đoàn Vĩnh Phú (Thôn 2)	1.00
		Hết đất vườn ông Đoàn Vĩnh Phú (Thôn 2)	Hết đất vườn ông Võ Nhựt (Thôn 3)	1.00
		Hết đất vườn ông Võ Nhựt (Thôn 3)	Cầu Hố Kè thôn 4	1.00
		Cầu Hố Kè thôn 4	Đầu ranh Trụ sở UBND xã (Thôn 7)	1.00
		Đầu ranh Trụ sở UBND xã (Thôn 7)	Hết ranh giới thửa đất ông Vũ Xuân Trọ (Thôn 8)	1.00
		Hết ranh giới thửa đất ông Vũ Xuân Trọ (Thôn 8)	Cầu thôn 9	1.00
		Cầu thôn 9	Giáp ranh xã Hoà Phong	1.00
2	Đường giao thông nông thôn	Đầu đường Đông Lễ	Hết trục đường Đông Lễ	1.00
		Ngã ba nhà bà Chu Thị Bích	Ngã ba nhà bà Lê Thị Sáo	1.00
		Giáp ranh giới thửa đất nhà bà Hậu (Thôn 7)	Hết Chợ xã Hoà Lễ (Thôn 5)	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Huỳnh Lại (Thôn 2)	Hết đất vườn bà Trần Thị Nguyên (Thôn 2)	1.00
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
VII	Xã Hòa Phong			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hòa Lễ	Cổng chào thôn 4	1.00
		Cổng chào thôn 4	Đầu ranh giới thửa đất Trường THCS Hòa Phong	1.00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Đầu ranh giới thửa đất Trường THCS Hòa Phong	Hết đất vườn nhà ông Lê Yên	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Lê Yên	Hết đất vườn nhà ông Phạm Văn Năm	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Phạm Văn Năm	Đầu ranh giới thửa đất nhà bà Vũ Thị Ong	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà bà Vũ Thị Ong	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Hữu Thành	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Hữu Thành	Cầu thôn 2	1.00
		Cầu thôn 2	Cây đa Cổng chào thôn 1	1.00
		Cây đa Cổng chào thôn 1	Giáp ranh xã Cư Pui	1.00
2	Đường giao thông nông thôn	Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Tâm	Hết đất vườn ông Mai Viết Tăng	1.00
		Hết đất vườn ông Mai Viết Tăng	Hết khu dân cư thôn 6	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Võ Văn Tư (Nga)	Hết ranh giới thửa đất Trường Tiểu học buôn Tliêr	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Ama Sinh (Ngô B)	Ngã ba đầu buôn Ngô A	1.00
		Ngã ba đầu buôn Ngô A	Hết vườn ông Y Blăng Êung	1.00
		Đầu trường tiểu học thôn Noh Prông (cũ)	Hết vườn ông Hầu Văn Sinh	1.00
		Cuối vườn ông Nguyễn Đăng Dũng	Cuối vườn ông Dương Văn Phình	1.00
		Hết vườn ông Nguyễn Đăng Dũng	Hết vườn ông Thảo	1.00
		Hết vườn ông Thảo	Hết vườn ông Lý Văn Tấu	1.00
		Cổng chào Buôn Phiang	Hết thửa đất nhà ông Y Tiên Byă	1.00
		Đầu vườn ông Ngô Hùng Sinh	Hết vườn nhà ông Vàng	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà bà Võ Thị Nở	Đầu ranh giới trường mẫu giáo thôn 6	1.00
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
VIII	Xã Hòa Sơn			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh thị trấn Krông Kmar	Ngã ba nhà Nguyễn Thị Hương	1.00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Ngã ba nhà Nguyễn Thị Hương	Hết đất vườn nhà ông Đỗ Văn Ký	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Đỗ Văn Ký	Hết vườn nhà ông Nguyễn Trung Thành	1.00
		Hết vườn nhà ông Nguyễn Trung Thành	Hết đất vườn nhà ông Hồ Mộng Linh	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Hồ Mộng Linh	Hết cây xăng Thành Tâm (Ông Tàu)	1.00
		Hết cây xăng Thành Tâm (Ông Tàu)	Hết ranh giới trường tiểu học Sơn Tây	1.00
		Hết ranh giới trường tiểu học Sơn Tây	Cầu thôn 2 Hoà Sơn	1.00
		Cầu thôn 2 Hoà Sơn	Hết nhà ông Trần Văn Lý (Bên cạnh nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 1)	1.00
		Hết nhà ông Trần Văn Lý (Bên cạnh nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 1)	Giáp ranh xã Ea Trul	1.00
2	Đường giao thông nông thôn	Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Thúy	Ngã ba nhà ông Lê Thân (Thửa 132, tờ 57)	1.00
		Ngã ba nhà ông Lê Thân (Thửa 132, tờ 57)	Cuối đường đi thôn 7	1.00
		Ngã ba buôn Ja (Cổng N3)	Đến đầu cổng khu du lịch thác Krông Kmar	1.00
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
IX	Xã Hoà Tân			
1	Đường giao thông nông thôn	Ngã ba cầu Chữ V về hướng Tây	Hết đất vườn ông Hoàng Ngọc Tâm	1.00
		Hết đất vườn ông Hoàng Ngọc Tâm	Hết nghĩa địa xã Hoà Tân	1.00
		Hết nghĩa địa xã Hoà Tân	Hết ranh giới thửa đất Trường Tiểu học Hoà Tân (Thôn 3)	1.00
		Ngã ba trụ sở UBND xã Hoà Tân	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Ngô	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất Trường Mẫu giáo Hoà Tân (Thôn 6)	Hết đất vườn ông Nguyễn Tiên (Thôn 4)	1.00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Hoàng (Thửa 17, tờ 34)	Hết thửa đất nhà ông Phạm Minh Hiếu	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Đỗ Lá	Hết vườn nhà ông Lê Viết Mạnh	1.00
2	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
X	Xã Hòa Thành			
1	Đường giao thông nông thôn	Giáp ranh xã Dang Kang	Hết ranh giới thửa đất Trường cấp I Hoà Thành (Thôn 3)	1.00
		Hết ranh giới thửa đất Trường cấp I Hoà Thành (Thôn 3)	Hết đất vườn bà Nguyễn Thị Hồng Hóa (Thôn 4)	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất ông Bùi Hữu Hoá (Thôn 5)	Hết đất vườn ông Bùi Văn Hòa (Thôn 6)	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất ông Trần Hạ (Thôn 6)	Hết đất vườn ông Lưu Văn Thiên (Thôn 6)	1.00
2	Các trục đường giao thông nông thôn 1, thôn 2, Thôn 3			1.00
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
XI	Xã Khuê Ngọc Điền			
1	Tỉnh lộ 9	Ranh giới thị trấn Krông Kmar	Ngã tư Thôn 5	1.00
		Ngã tư Thôn 5	Ngã ba nhà Thanh Hoàng (Thôn 4)	1.00
		Ngã ba nhà Thanh Hoàng (Thôn 4)	Hết thửa đất bà Nguyễn Thị Xanh (Thôn 4)	1.00
		Hết thửa đất bà Nguyễn Thị Xanh (Thôn 4)	Ngã ba đài tưởng niệm	1.00
		Ngã ba đài tưởng niệm	Ngã ba ông Cảnh (Thôn 2)	1.00
		Ngã ba ông Cảnh (Thôn 2)	Hết ranh giới thửa đất Trạm nguyên liệu thuốc lá Nam	1.00
		Hết ranh giới thửa đất Trạm nguyên liệu thuốc lá Nam	Cầu chữ V, hết ranh xã Khuê Ngọc Điền	1.00
2	Tỉnh lộ 12	Đầu phía Đông Cầu sắt (Khuê Ngọc Điền)	Cổng chùa Phước Lâm	1.00
		Cổng chùa Phước Lâm	Hết lò gạch ông Nguyễn Sĩ (Thôn 9)	1.00
		Hết lò gạch ông Nguyễn Sĩ (Thôn 9)	Giáp ranh xã Hoà Lễ	1.00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
3	Đường giao thông nông thôn	Ngã ba đường vào Thôn 3	Hết đất nhà ông Lê Văn Ngung (Thôn 4)	1.00
		Hết đất nhà ông Lê Văn Ngung (Thôn 4)	Hết đất vườn nhà ông Đoàn Văn Ny (Thửa 7, tờ 46)	1.00
		Hết đất vườn nhà ông Đoàn Văn Ny (Thửa 7, tờ 46)	Hết khu dân cư Thôn 3	1.00
		Ngã tư Thôn 5	Giáp nương nước qua đường (Đường đi nghĩa địa)	1.00
		Ngã tư Thôn 5	Ngã ba lên Thôn 4	1.00
		Ngã tư nhà ông Nguyễn Mộc (Thôn 5)	Mương nước qua đường	1.00
		Ngã tư nhà ông Nguyễn Vui (Thôn 4)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Cường (Thôn 4)	1.00
		Ngã tư nhà ông Nguyễn Văn Thành (Thôn 4)	Giáp nương thủy lợi	1.00
		Ngã tư nhà ông Cảnh (Thôn 2)	Giáp cầu Ba Lan	1.00
		Ngã ba nhà ông Nguyễn Đình Nghĩa (Thôn 1)	Hết khu dân cư	1.00
		Đầu trường phân hiệu mẫu giáo Măng Non (Thôn 1)	Hết đất vườn nhà ông Trần Văn Châu (Thôn 1)	1.00
		Đầu trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	Đầu vườn nhà ông Phan Tấn Thành	1.00
		Ngã ba nhà ông Đặng Văn Thanh Trung (Thôn 9)	Ngã ba xuống lò gạch ông Xuân	1.00
		Ngã ba lâm trường	Hết ranh giới thửa đất phân hiệu Trường tiểu học Trần Phú (Thôn 6)	1.00
		Ngã ba nhà ông Huỳnh Tấn Cảnh (Thôn 8)	Ngã ba nhà bà Hoàng Thị Nguyệt (Thôn 8)	1.00
4	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
XII	Xã Yang Mao			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Cư Drăm	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Huỳnh Tấn Chín	1.00
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Huỳnh Tấn Chín	Cầu Êa Mhắt	1.00
		Cầu Êa Mhắt	Ngã ba đất vườn ông Ama Hìn	1.00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Ngã ba đất vườn ông Ama Hin	Hết đất nhà ông Ama Đun	1.00
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Amma Đun	Ngã ba đi buôn Mghí	1.00
		Ngã ba đi buôn Mghí	Hết ranh giới thửa đất ông Ama Thìn (B.Kiều)	1.00
		Hết ranh giới thửa đất ông Ama Thìn (B.Kiều)	Hết khu dân cư buôn Hàng Năm	1.00
2	Đường giao thông cấp phối	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Ama Đung	Hết đất vườn nhà bà Tân (Thôn 3)	1.00
		Giáp ranh giới thửa đất nhà bà Tân (Thôn 3)	Cổng suối Êa Knol	1.00
		Cổng suối Êa Knol	Hết đất vườn nhà ông Đinh Văn Quảng (Thôn 1)	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Ama Hin	Giáp Trường THCS Yang Mao	1.00
		Cuối ranh giới thửa đất ông Ama Kiệt	Giáp ranh giới thửa đất bà Trần Nhâm Sáu	1.00
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00
XIII	Xã Yang Reh			
1	Quốc lộ 27	Cầu Giang Sơn (Giáp ranh huyện Cư Kuin)	Hết đất vườn ông Phạm Văn Ruyền (Thửa 684, tờ 16)	1.00
		Hết đất vườn ông Phạm Văn Ruyền (Thửa 684, tờ 16)	Đầu nghĩa địa buôn Cuah A	1.00
		Đầu nghĩa địa buôn Cuah A	Hết Trường Mẫu giáo buôn Cuah B	1.00
		Hết Trường Mẫu giáo buôn Cuah B	Đầu đất vườn ông Trịnh Ngọc Công (Thửa 983, tờ 19)	1.00
		Đầu đất vườn ông Trịnh Ngọc Công (Thửa 983, tờ 19)	Đầu ranh đất bà Võ Thị Bạch Tuyết (Thửa 45, tờ 60)	1.00
		Đầu ranh đất bà Võ Thị Bạch Tuyết (Thửa 45, tờ 60)	Đầu ranh trụ sở UBND xã Yang Reh	1.00
		Đầu ranh trụ sở UBND xã Yang Reh	Đầu thửa đất ông Ngô Văn Thường (Thửa 16, tờ 64)	1.00
		Đầu thửa đất ông Ngô Văn Thường (Thửa 16, tờ 64)	Cầu Tân Đức	1.00
		Cầu Tân Đức	Giáp ranh huyện Lắk	1.00

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
2	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Ea Trul	Cầu Yang Reh	1.00
		Cầu Yang Reh	Giáp ngã ba Yang Reh	1.00
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			1.00

Phụ lục XIII

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ KUIN
(Kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh)

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
I	Xã Ea Tiêu			
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'ram (giáp TP. Buôn Ma Thuột)	Đường dọc kênh thủy lợi	1.00
		Đường dọc kênh thủy lợi	Hết cửa hàng xăng dầu Hoài Ân	1.00
		Hết cửa hàng xăng dầu Hoài Ân	Ngã 3 đường vào UBND xã	1.00
		Ngã 3 đường vào UBND xã	Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	1.00
		Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	Đường vào Giáo xứ Vinh Hòa	1.00
		Đường vào Giáo xứ Vinh Hòa	Cổng chào thôn 2	1.00
		Cổng chào thôn 2	Cổng đối diện cổng chào thôn 8 (xã Ea Bhók)	1.00
		Cổng đối diện cổng chào thôn 8 (xã Ea Bhók)	Trường tiểu học Kim Đồng	1.00
		Trường tiểu học Kim Đồng	Giáp xã Dray Bhang	1.00
2	Khu vực chợ Trung Hòa	Các đường bên trong và giáp chợ Trung Hòa		1.00
3	Đường liên thôn	Ngã ba Quốc lộ 27 (chợ buôn Kram)	Ngã ba đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	1.00
		Ngã ba đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	Kênh thủy lợi (cổng chào thôn 7)	1.00
		Kênh thủy lợi (cổng chào thôn 7)	Hết thôn 6	1.00
		Hết thôn 6	Ngã ba buôn Tiêu	1.00
4	Đường dọc kênh thủy lợi	Cách ngã tư Quốc lộ 27 - 300m	Cổng chào thôn 7	1.00
5	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Cổng chào buôn Kram	1.00
		Cổng chào buôn Kram	Ngã ba đường vào bãi bắn	1.00
		Ngã ba đường vào bãi bắn	Ngã ba buôn Tiêu	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Ngã ba buôn Tiêu	Hồ cạnh Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu	1.00
		Hồ cạnh Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu	Cổng chào thôn 11	1.00
		Cổng chào thôn 11	Ngã ba đường đi xã Ea Kao, TP. Buôn Ma Thuột	1.00
6	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX cũ	1.00
		Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX	Đầu buôn Ciết	1.00
		Đầu buôn Ciết	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 390m)	4.00
		Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 390m)	Cụm công nghiệp Cư Kuin (hết buôn Ciết)	1.00
		Ngã tư đầu đường nhựa buôn Ciết	Hết đường nhựa	1.00
7	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1.00
8	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, buôn Ciết, buôn Kram và buôn Luk		1.00
		Các thôn, buôn còn lại		1.00
II	Xã Ea Ktur			
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'ram (giáp TP. Buôn Ma Thuột)	Đường vào khu dân cư thôn 8 (Ngang dốc)	1.00
		Đường vào khu dân cư thôn 8 (Ngang dốc)	Công ty TNHH MTV Cà phê Việt Đức (đường vào thôn 6, 9)	1.00
		Công ty TNHH MTV Cà phê Việt Đức (đường vào thôn 6, 9)	Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Sim	1.00
		Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Sim	Cổng chào thôn 1	1.00
		Cổng chào thôn 1	Cổng chào thôn 2	1.00
		Cổng chào thôn 2	Ngã ba cuối thôn 2, đầu thôn 5	1.00
		Ngã ba cuối thôn 2, đầu thôn 5	Giáp xã Ea Bhók	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Đường vào Công ty TNHH MTV cà phê Ea Sim đến hết thửa đất số 9430 bên trái và đồng thời tiếp giáp đến hết thửa đất số 9636 bên phải, TĐĐ số 40)	1.00
		Hết khu dân cư thôn 10 (cách Quốc lộ 27 - 450m)	Đập Ea Sim	1.00
		Đập Ea Sim	Cổng chào thôn 15	1.00
		Cổng chào thôn 15	Đập Việt Đức 4 (giáp xã Ea Ning)	1.00
		Ngã ba buôn Plei Năm	Đến hết thửa đất 3716 bên phải và đồng thời tiếp giáp đến hết thửa 3713 bên trái, TĐĐ số 22)	1.00
		Cuối khu dân cư Plei Năm (dài khoảng 1.300m)	Giáp xã Hòa Đông	1.00
3	Đường liên thôn	Ngã ba Quốc lộ 27	Cổng Giáo xứ Vinh Hòa	1.00
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1.00
5	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 1, 2, 3, 4		1.00
		Thuộc các thôn: 5, 7, 8, 10		1.00
		Các thôn, buôn còn lại		1.00
III	Xã Ea Bhốk			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Ktur	Cổng chào thôn 8	1.00
		Cổng chào thôn 8	Ngã ba đối diện Trường tiểu học Kim Đồng	1.00
		Ngã ba đối diện Trường tiểu học Kim Đồng	Hết Thửa đất Giáo họ Kim Tân	1.00
		Hết Thửa đất Giáo họ Kim Tân	Ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	1.00
		Ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	Giáp xã Dray Bhang	1.00
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba đường trục chính thôn 4	1.00
		Ngã ba đường trục chính thôn 4	Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	Cầu giáp xã Ea Ning	1.00
		Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	Hết buôn Bhók - thôn 2	1.00
		Hết buôn Bhók - thôn 2	Cầu trắng	1.00
3	Đường liên xã	Ngã tư Quốc lộ 27	Ngã ba đường vào Trường THCS Ea BHók	1.00
		Ngã ba đường vào Trường THCS Ea BHók	Ngã ba buôn Ea Khít	1.00
		Ngã ba buôn Ea Khít	Giáp xã Ea Hu	1.00
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1.00
5	Đường trục chính thôn 4	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba đường liên xã	1.00
6	Khu dân cư	Thuộc thôn 4		1.00
		Thuộc các thôn: 1, 8; buôn Ea Mta,buôn Ea Mta A và buôn Ea Kmar		1.00
		Các thôn, buôn còn lại		1.00
IV	Xã Dray Bhang			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Tiêu	Đối diện ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	1.00
		Đối diện ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	Hết đất ông Đặng Văn Thịnh (thửa đất số 10311, tờ bản đồ 21)	1.00
		Hết đất ông Đặng Văn Thịnh (thửa đất số 10311, tờ bản đồ 21)	Giáp xã Hòa Hiệp	1.00
		Giáp xã Ea Bhók	Giáp chợ xã Hòa Hiệp	1.00
2	Tỉnh lộ 10	Ngã tư Quốc lộ 27	Đầu thôn Lô 13	1.00
		Đầu thôn Lô 13	Hết KDC tập trung thôn lô 13	1.00
		Hết KDC tập trung thôn lô 13	Đường đi vào xóm đôi khu 5 (hết thửa số 10, TBD 60)	1.00
		Đường đi vào xóm đôi khu 5 (hết thửa số 10, TBD 60)	Giáp huyện Krông Ana	1.00
3	Khu TT đô thị - Cơ quan hành chính huyện Cư Kuin	Các trục số 2, 3		1.00
		Các trục số 5, 6, 7; trục nội bộ (23m)		1.00
		Các trục nội bộ còn lại		1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
4	Đường liên thôn	Đường song song Tỉnh lộ 10 (thuộc thôn lô 13)		1.00
5	Đường giáp ranh xã Dray Bhang và xã Hòa Hiệp	Ngã ba Quốc lộ 27 (Hết chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	1.00
6	Đường liên xã	Hết thôn Mới xã Hòa Hiệp	Hết buôn Hra Ea Ning	1.00
	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 thuộc khu vực thôn Nam Hòa			1.00
	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 đến tiếp giáp đường Quy hoạch 36m			1.00
7	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 đoạn từ ngã tư Quốc lộ 27 đến giáp xã Hòa Hiệp (Cả hai bên đường dọc QL 27)			1.00
8	Khu dân cư	Thuộc thôn Kim Châu		1.00
		Thuộc thôn Nam Hòa và thôn Lô 13		1.00
		Các thôn, buôn còn lại		1.00
V	Xã Hòa Hiệp			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Dray Bhang	Ngã ba đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	1.00
		Ngã ba đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	Hết thôn Thành Công	1.00
		Hết thôn Thành Công	Đến đầu đèo Giang Sơn	1.00
		Đến đầu đèo Giang Sơn	Đến cầu Giang Sơn giáp huyện Krông Bông	1.00
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Hết thôn Mới	1.00
		Ngã ba Quốc lộ 27 (giáp chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	1.00
3	Các đường tuyến 2, tuyến 3 song song Quốc lộ 27, các đường nhánh từ Quốc lộ 27 đến hết đường tuyến 3 (thuộc thôn Kim Phát) Trừ khu vực chợ Hòa Hiệp	Giáp xã Dray Bhang	Hết nhà thờ Kim Phát	1.00
		Hết nhà thờ Kim Phát	Quốc lộ 27	1.00
4	Chợ Hòa Hiệp	Các Kiôt trong chợ		1.00
5	Đường tuyến 2 song song Quốc lộ 27 (Khu vực chợ Hòa Hiệp)	Từ nhà ông Hà Đức Minh (thửa đất số 3468, tờ bản đồ 22)	Giáp xã Dray Bhang	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
6	Đường nội thôn (thuộc thôn Mới)	Ngã ba đường liên xã Hoà Hiệp, Dray Bhang (Cách Quốc lộ 27 - 635m)	Giáp xã Dray Bhang	1.00
7	Khu dân cư	Thuộc phần còn lại của thôn Kim Phát		1.00
		Thuộc thôn Thành Công và thôn Mới		1.00
		Các thôn, buôn còn lại		1.00
VI	Xã Ea Ning			
1	Đường liên xã	Đập Việt Đức 4	Hết Công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'nin	1.00
		Từ cổng chào thôn 15	Đến hết bờ tường công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'nin	1.00
		Hết Công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'nin	Ngã tư sân bóng	1.00
		Ngã tư sân bóng	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 360m)	1.00
		Hết đoạn đường thẳng	Giáp xã Cư Êwi	1.00
		Ngã ba cây xăng Đức Hợp	Ngã tư sân bóng	1.00
		Ngã ba chợ Việt Đức 4	Hết ngã ba cây xăng Đức Hợp	1.00
		Hết ngã ba cây xăng Đức Hợp	Ngã ba cổng chào buôn Puk Prong	1.00
		Ngã ba cổng chào buôn Puk Prong	Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Bắc)	1.00
		Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Bắc)	Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Nam)	1.00
		Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Nam)	Giáp xã Ea Bhook	1.00
		Ngã ba cổng chào buôn Puk Prong	Ngã ba đường vào thôn 9 xã Ea Ning	1.00
		Ngã ba đường vào thôn 9 xã Ea Ning	Hết tường rào Công ty TNHH MTV Cà phê Chư Quynh	1.00
		Hết tường rào Công ty TNHH MTV Cà phê Chư Quynh	Đường liên xã (gồm cả hai nhánh đường)	1.00
2	Khu vực chợ Việt Đức 4	Các đường bên trong và giáp chợ Việt Đức 4		1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
3	Đường liên xã	Cầu trắng	Cổng chào thôn 6	1.00
		Cổng chào thôn 6	Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình	1.00
		Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình	Giáp xã Cư Êwi	1.00
4	Khu dân cư	Thuộc thôn 8, 15, 21 và 22		1.00
		Các thôn, buôn còn lại		1.00
VII	Xã Cư Êwi			
1	Đường liên xã	Cầu chăn nuôi	Giáp xã Ea Ning	1.00
2	Đường liên thôn	Từ cổng chào thôn 12	Cổng chào buôn Tách M'Ngà	1.00
3	Đường nội thôn 12 tuyến 1	Ngã tư đường liên thôn	Hết thôn 12	1.00
	Đường nội thôn 12 tuyến 2	Ngã tư đường liên thôn	Đập 45 xã Ea Ning	1.00
	Đường nội thôn 1C	Ngã ba đường liên xã	Đập Tách M'Ngà	1.00
	Đường nội thôn 1A	Ngã ba đường liên xã	Hết khu dân cư thôn 1A (hướng đi Nghĩa địa thôn 1A, 1B)	1.00
4	Khu dân cư còn lại			1.00
VIII	Xã Ea Hu			
1	Đường liên xã	Cầu trắng	Ngã ba đối diện cổng chào thôn 6 xã Ea Ning	1.00
		Ngã ba đối diện cổng chào thôn 6 xã Ea Ning	Hết đoạn đường nhựa đi xã Cư Êwi	1.00
		Hết đoạn đường nhựa đi xã Cư Êwi	Giáp xã Cư Êwi	1.00
		Ngã ba đường liên xã đi xã Ea Hu, Cư Êwi	Hết chợ An Bình	1.00
		Hết chợ An Bình	Cổng thoát nước (đầu chợ Ea Tur)	1.00
		Cổng thoát nước (đầu chợ Ea Tur)	Hết đất ông Nguyễn Hiền (thửa đất số 161, tờ bản đồ 79)	1.00
		Hết đất ông Nguyễn Hiền (thửa đất số 161, tờ bản đồ 79)	Hết đất ông Bùi Tỵ (thửa đất số 108, tờ bản đồ 15)	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Hết đất ông Bùi Tỵ (thửa đất số 108, tờ bản đồ 15)	Cầu Thác đá	1.00
		Cầu Thác đá	Giáp xã Ea Bhók	1.00
2	Đường liên thôn	Ngã ba đường liên xã	Cổng chào thôn 1	1.00
		Cổng chào thôn 1	Hết sân bóng thôn 1	1.00
		Cổng chào thôn 4	Hết sân bóng thôn 4	1.00
		Ngã 3 trường Nguyễn Tất Thành	Cổng chào thôn 7	1.00
		Ngã ba nhà Hùng Nho (Thửa đất 15649, tờ bản đồ số 69)	Ngã ba nhà ông Liệu (thửa đất 45 tờ bản đồ số 79)	1.00
3	Khu dân cư thôn 2			1.00
4	Khu dân cư thôn 1 và thôn 4			1.00
5	Khu dân cư thôn 3			1.00
6	Khu dân cư còn lại			1.00

Phụ lục XIV**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LẮK***(Kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh)***I. ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
1	Nguyễn Tất Thành	Giáp xã Bông Krang	Nguyễn Đình Chiểu	1.20
		Nguyễn Đình Chiểu	Chu Văn An	1.20
		Chu Văn An	Võ Thị Sáu	1.20
		Võ Thị Sáu	Nguyễn Trung Trực	1.20
		Nguyễn Trung Trực	Hết đường đôi	1.20
		Hết đường đôi	Lê Quý Đôn	1.20
		Lê Quý Đôn	Giáp xã Đăk Liêng	1.20
2	Nơ Trang Long	Đầu Nơ Trang Long (Nguyễn Tất Thành)	Nguyễn Thị Minh Khai	1.20
		Nguyễn Thị Minh Khai	Cuối Nơ Trang Long (Tôn Thất Tùng)	1.20
3	Âu Cơ	Nơ Trang Long	Hết thửa đất ông Trần Hữu Năm	1.20
		Hết thửa đất ông Trần Hữu Năm	Nguyễn Huệ	1.20
		Nguyễn Huệ	Nguyễn Thị Minh Khai	1.20
4	Nguyễn Thị Minh Khai	Nơ Trang Long	Y Ngông	1.20
5	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành	Hồ Lăk	1.20
6	Tô Hiệu	Nguyễn Tất Thành	Cổng chính Nghĩa địa	1.20
7	Phạm Ngọc Thạch	Nguyễn Tất Thành	Hết Trạm khí tượng thủy văn	1.20
8	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Tất Thành	Đầu đập buôn Đong Kriêng	1.20
		Đầu đập buôn Đong Kriêng	Đến hết đường	1.20
9	Chu Văn An	Nguyễn Tất Thành	Giáp Hồ Lăk	1.20
		Nguyễn Tất Thành	Nơ Trang Gưh	1.20
10	Lương Thế Vinh	Nguyễn Tất Thành	Giao nhau với đường Nguyễn Đình Chiểu	1.20
11	Nơ Trang Gưh	Nguyễn Tất Thành	Chu Văn An	1.20
		Chu Văn An	Hết đường	1.20

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
12	Võ Thị Sáu	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	1.20
13	Nguyễn Du	Nguyễn Tất Thành	Nơ Trang Long	1.20
14	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Nơ Trang Long	1.20
15	Hồ Xuân Hương	Ấu Cơ (quán cà phê Kơ Nia)	Hết đường	1.20
16	Hùng Vương	Tôn Thất Tùng	Nguyễn Huệ	1.20
17	Trần Phú	Tôn Thất Tùng	Nguyễn Thị Minh Khai	1.20
18	Đường mới cạnh điện lực	Trần Phú	Y Ngông	1.20
19	Y Ngông	Ấu Cơ	Y Jút	1.20
20	Tôn Thất Tùng	Nơ Trang Long	Y Ngông	1.20
21	Nguyễn Văn Trỗi	Nơ Trang Long	Hùng Vương	1.20
22	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Tất Thành	Bà Triệu	1.20
23	Lạc Long Quân	Tôn Thất Tùng	Hai Bà Trưng	1.20
24	Lê Hồng Phong	Tôn Thất Tùng	Y Jút	1.20
25	Khu dân cư Hợp Thành	Tôn Thất Tùng	Hết vườn nhà cô Xuyên	1.20
26	Đường Nguyễn Trãi và các đường nhánh			1.20
27	Y Jút	Nguyễn Tất Thành	Lê Hồng Phong	1.20
		Lê Hồng Phong	Y Ngông	1.20
		Y Ngông	Hết buôn Jun	1.20
28	Lê Quý Đôn	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	1.20
29	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tất Thành	Hết thửa đất nhà ông Hệ	1.20
		Hết thửa đất nhà ông Hệ	Giáp xã Đăk Liêng	1.20
30	Lê Lai	Nguyễn Tất Thành	Lý Thường Kiệt	1.20
31	Trần Bình Trọng	Lý Thường Kiệt	Đinh Tiên Hoàng	1.20
32	Đinh Tiên Hoàng	Lý Thường Kiệt	Giáp đường lên nghĩa trang liệt sỹ	1.20
		Đường lên nghĩa trang liệt sỹ	Hết đường	1.20
33	Điện Biên Phủ	Lý Thường Kiệt	Giáp xã Đăk liêng	1.20

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
34	Đỉnh Núp (đường đi buôn Mliêng)	Nguyễn Tất Thành	Cánh đồng buôn Mliêng (đập tràn qua đường)	1.20
35	Bà Triệu	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	1.20
36	Ngô Quyền	Nguyễn Tất Thành	Lê Hồng Phong	1.20
		Lê Hồng Phong	Giao nhau với đường Y Ngông	1.20
37	Hai Bà Trưng	Nguyễn Tất Thành	Giao nhau với đường Lê Hồng Phong	1.20
38	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Tất Thành (cổng thôn Văn hóa)	Vào khu dân cư thôn Hòa Thắng	1.20
39	Đường N1	Hùng Vương	Hết đường	1.20
40	Đường N2	Hùng Vương	Đến đường N5	1.20
41	Đường N3	Hùng Vương	Đến đường N5	1.20
42	Đường N4	Đường N1	Đường N2	1.20
43	Đường N5	Đường N2	Đường N3	1.20
44	Nguyễn Huệ	Âu Cơ	Nơ Trang Long	1.20
45	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng $\geq 3,5\text{m}$ (đã bê tông hóa)		1.20
		Đường có chiều rộng $\geq 3,5\text{m}$		1.20
46	Khu dân cư còn lại			1.20

II ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
I	Xã Yang Tao			
1	Quốc lộ 27	Giáp Krông Bông	Chân đèo xã Yang Tao (km 36+400)	1.00
		Chân đèo xã Yang Tao (km 36+400)	Ngã ba đường đi buôn Dơng Guôl	1.00
		Ngã ba đường đi buôn Dơng Guôl	Giáp xã Bông Krang	1.00
2	Đường đi buôn Drung	Ngã ba Quốc lộ 27	Hết buôn Drung	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
3	Đường đi buôn Năm Pă	Ngã ba Quốc lộ 27	Hết buôn Năm Pă	1.00
4	Đường đi lò gạch	Ngã ba buôn Yôk Đuôn	Hết khu lò gạch	1.00
5	Đường đi buôn Yôk Đuôn (sau Ủy ban xã)	Ngã ba Quốc lộ 27	Đến Trạm Bơm	1.00
6	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m (đã bê tông hóa)		1.00
		Đường có chiều rộng >=3,5m		1.00
7	Khu dân cư còn lại			1.00
II	Xã Bông Krang			
1	Quốc lộ 27	Giáp Yang Tao	Cổng bản Bông Krang (đầu khu dân cư thôn Sân Bay)	1.00
		Cổng bản Bông Krang (đầu khu dân cư thôn Sân Bay)	Hết khu dân cư thôn Sân Bay	1.00
		Hết khu dân cư thôn Sân Bay	Cổng bản (đầu buôn Mã)	1.00
		Cổng bản (đầu buôn Mã)	Giáp thị trấn Liên Sơn	1.00
2	Đường đi buôn Dar Ju, Hang Ja	Ngã ba cây xăng Minh Hằng	Ngã ba buôn Dar Ju	1.00
		Ngã ba buôn Dar Ju	Hết buôn Hang Ja	1.00
3	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m (đã bê tông hóa)		1.00
		Đường có chiều rộng >=3,5m		1.00
4	Khu dân cư còn lại			1.00
III	Xã Đăk Liêng			
1	Quốc lộ 27	Giáp thị trấn Liên Sơn	Km 48	1.00
		Km 48	Ngã ba buôn Dren A (QL 27)	1.00
		Ngã ba buôn Drên A (QL 27)	Km 50	1.00
		Km 50	Giáp xã Đăk Nuê	1.00
2	Tỉnh lộ 687	Ngã ba Quốc lộ 27	+200m (Tỉnh lộ 687)	1.00
		+200m (Tỉnh lộ 687)	Cổng buôn Yuk	1.00
		Cổng buôn Yuk	Đầu cầu Quảng Trạch	1.00
		Đầu cầu Quảng Trạch	Hết ranh giới đất nhà ông Hiệp	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Hiệp	Giáp xã Buôn Tría	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
3	Đường đi buôn Yuk La	Giáp TDP Đoàn Kết TT Liên Sơn	Cổng Yuk La 1	1.00
		Cổng Yuk La 1	Hết ranh giới đất nhà ông Y Lịch Kuan	1.00
4	Đường đi buôn Dren A	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba buôn Dren A	1.00
5	Đường đi buôn Yang Lá	Quốc lộ 27 (Nhà ông Thành Liên)	Đến đập thuỷ lợi buôn Yang Lá 1	1.00
6	Đường đi thôn Lâm Trường	Ngã tư buôn Yuk	Quốc lộ 27 (Thôn Lâm trường)	1.00
7	Đường đi xã Đăk Phoi	Ngã ba Quốc lộ 27	Giáp xã Đăk Phoi	1.00
8	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m (đã bê tông hóa)		1.00
		Đường có chiều rộng >=3,5m		1.00
9	Khu dân cư còn lại			1.00
IV	Buôn Tría			
1	Tỉnh lộ 687	Giáp xã Đăk Liêng	Hết ranh giới đất nhà ông Nung (Liên kết1)	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Nung (Liên kết1)	Trạm y tế xã Buôn Tría	1.00
		Trạm y tế xã Buôn Tría	Giáp Buôn Triết	1.00
2	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m (đã bê tông hóa)		1.00
		Đường có chiều rộng >=3,5m		1.00
3	Khu dân cư còn lại			1.00
V	Xã Buôn Triết			
1	Tỉnh lộ 687	Giáp xã Buôn Tría	Hết ranh giới đất nhà ông Thứ - thôn Đoàn kết 1	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Thứ - thôn Đoàn Kết 1	Hết ranh giới đất nhà ông Hoè - Đoàn Kết 1	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Hòe- Đoàn Kết 1	Đến hết nhà ông Dũng Đuộm	1.00
		Từ hết nhà ông Dũng Đuộm	Ngã ba đường đi buôn Ung Rung	1.00
		Ngã ba đường đi buôn Ung Rung	Ngã ba thôn Đồng Tâm	1.00
		Ngã ba thôn Đồng Tâm	Chân đập buôn Triết	1.00
2	Đường đi Mê Linh, Bến dò	Ngã ba Tỉnh lộ 687	Cổng bà Đắc	1.46
		Cổng bà Đắc	Hết Mê Linh 2	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Hết Mê Linh 2	Hết ranh giới đất nhà ông Vỡ - Mê Linh 1	1.00
		Hết ranh giới đất nhà ông Vỡ - Mê Linh 1	Đến hết ranh nhà ông Hà Thơm (Buôn Tung 2)	1.00
		Từ hết ranh nhà ông Hà Thơm (Buôn Tung 2)	Bến Đò	1.00
3	Đường thôn Đoàn Kết 1	Cổng chào Thôn văn hóa	Hết ruộng ông Bùi Minh Bình	1.00
		Tỉnh lộ 687	Hết xóm Đoàn Kết 1	1.00
4	Đường thôn Đoàn Kết 2	Tỉnh lộ 687	Kênh N2	1.00
		Tỉnh lộ 687	Hết ranh giới đất nhà bà Hương	1.00
5	Đường Buôn Ja Tu	Tỉnh lộ 687	Đập Ja Tu	1.00
6	Đường Thôn Đồng Tâm	Tỉnh lộ 687	Nhà văn hóa thôn Đồng Tâm	1.00
7	Đường Buôn Lách Rung	Tỉnh lộ 687	Hết ranh giới nhà ông Y Khoan Teh	1.00
8	Đường thôn Sơn Cường	Tỉnh lộ 687	Mương Tàu hút	1.00
		Từ nhà ông Lên	Mương Tàu hút	1.00
		Từ hết ranh giới nhà ông Lên	Hết nhà ông Thảm	1.00
9	Đường thôn Mê Linh 2	Nhà ông Nguyễn Xuân Bản	Hết ranh giới nhà ông Trần Đình Vượng	1.00
		Nhà ông Nguyễn Văn Ngừ	Hết ranh giới nhà ông Tuất	1.00
		Cổng chính Trường Nguyễn Bình Khiêm	Hết ranh giới đất nhà ông Phạm Minh Hậu - Mê linh 1	1.00
10	Đường đi buôn Tung 3	Từ ngã ba đi bến đò	Hết Buôn Tung 3	1.00
11	Đường bê tông >= 3,5m	Cổng bà Đắc	Hết ranh giới nhà ông Tuất	1.00
		Buôn Tung 1		1.00
		Mê Linh 2		1.00
12	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m		1.00
13	Khu dân cư còn lại			1.00
VI	Xã Đăk Phoi			
1	Đường đi Đăk Phoi	Giáp xã Đăk Liêng	Ngã ba buôn Chiêng Kao	1.00
		Ngã ba buôn Chiêng Kao	Hết thôn Cao Bằng	1.00
2	Đường đi buôn Năm,	Hết thôn Cao Bằng	Ngã ba buôn Năm	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
	buôn Đung, buôn TLông	Ngã ba buôn Năm	Hết Buôn Đung, buôn TLông	1.00
3	Đường đi buôn Du Mah	Ngã ba Đài tưởng niệm	Hết buôn Jiê Yuk	1.00
		Hết buôn Jiê Yuk	Hết buôn Du Mah	1.00
4	Đường đi buôn Chiêng Kao	Ngã ba đường trục chính	Hết buôn Chiêng Kao	1.00
5	Đường đi xã Đăk Nuê	Ngã ba đường trục chính	Giáp xã Đăk Nuê	1.00
6	Đường buôn Tlông đi buôn Pai Ar	Hết buôn Tlông	Ngã ba Đăk Hoa	1.00
7	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m (đã bê tông hóa)		1.00
		Đường có chiều rộng >=3,5m		1.00
9	Khu dân cư còn lại			1.00
VII	Xã Đăk Nuê			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Đăk Liêng	Đến km 52	1.00
		Từ km 52	Đến km 53	1.00
		Từ km 53	Đến km 55 (đầu cầu buôn Mih)	1.00
		Đến km 55 (đầu cầu buôn Mih)	Hết buôn Kdiê	1.00
		Hết buôn Kdiê	Giáp xã Nam Ka	1.00
2	Đường đi thôn Yên Thành 1	Ngã ba Quốc lộ 27	Đầu cầu Yên Thành 1	1.00
		Đầu cầu Yên Thành 1	Hết Yên Thành 1	1.00
3	Đường đi thôn Yên Thành 2	Ngã ba Quốc lộ 27	Đầu cầu Yên Thành 2	1.00
		Đầu cầu Yên Thành 2	Hết Yên Thành 2	1.00
4	Đường đi buôn Triêk, buôn Mih	Quốc lộ 27	Hết Buôn Mih	1.00
5	Đường vào buôn Đăk Sar	Ngã ba Quốc lộ 27 (Nhà ông Đức)	Hết Buôn Đăk Sar	1.00
6	Đường Liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27 (Nhà ông Dũng Chi)	Hết Trường Nguyễn Du	1.00
		Ngã ba Quốc lộ 27 (cổng chào)	Hết Trường Nguyễn Du	1.00
		Hết Trường Nguyễn Du	Giáp xã Đăk Phoi	1.00
		Từ buôn Mih (xã Đăk Nuê)	Đến giáp buôn Chiêng Kao (xã Đăk Phoi)	1.00
7	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m (đã bê tông hóa)		1.00
		Đường có chiều rộng >=3,5		1.00
8	Khu dân cư còn lại			1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
VIII	Xã Krông Nô			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Nam Ka	Suối Đăk Diêng Sâu	1.00
		Suối Đăk Diêng Sâu	Suối Đăk Rơ Mui	1.00
		Suối Đăk Rơ Mui	Hết Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên	1.00
		Hết Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên	Ngã ba vô khu sân bay	1.00
		Ngã ba vô khu sân bay	Đầu cầu Krông Nô	1.00
2	Đường đi buôn Trang Yuk	Ngã ba Quốc lộ 27	Cổng bản buôn Phi Dih Ja A	1.00
		Cổng bản buôn Phi Dih Ja A	Cầu Đăk Mei	1.00
3	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m (đã bê tông hóa)		1.00
		Đường có chiều rộng >=3,5m		1.00
4	Khu dân cư còn lại			1.00
IX	Xã Ea Rbin			
1	Đường đi buôn Plao Siêng	Ngã tư nhà A Ma Luyết (Trụ sở UBND xã)	Cầu Gãy (hết buôn Plao Siêng)	1.00
		Cầu Gãy (hết buôn Plao Siêng)	Hết tổ tự tự quản số 1 (Khu buôn Plao Siêng cũ)	1.00
2	Đường đi xã EaRbin	Giáp xã Nam Ka	Cuối suối Ea Ring	1.00
		Cuối suối Ea Ring	Ngã tư nhà A Ma Luyết (Trụ sở UBND xã)	1.00
3	Đường đi buôn Lách Ló	Ngã ba buôn Ea Ring	Hết buôn Sa Bôk	1.00
4	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m (đã bê tông hóa)		1.00
		Đường có chiều rộng >=3,5m		1.00
5	Khu dân cư còn lại			1.00
X	Xã Nam Ka			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Đăk Nuê	Giáp xã Krông Nô	1.00
2	Đường vào xã Nam Ka	Quốc lộ 27	Đèo Nam Ka	1.00
3	Đường Liên Buôn	Đèo Nam Ka	Sông Krông Nô (Bến đò)	1.00
		Ngã ba trạm Y tế xã Nam Ka	Đầu cầu Tu Sria	1.00
		Ngã ba buôn Tu Sria	Đập thủy lợi buôn Pluk	1.00
		Nhà văn hoá buôn Tu Sria	Chân đồi Cư Knung	1.00

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Ngã ba Buôn Krái	Hết ranh giới nhà bà H Joắt Trei	1.00
		Hết ranh giới nhà bà H Joắt Trei	Hết ruộng Ma Bia	1.00
4	Đường liên xã	Ngã ba trạm Y tế xã Nam Ka	Suối Đăk Rmong	1.00
		Suối Đăk Rmong	Giáp xã Ea R'bin	1.00
5	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng $\geq 3,5\text{m}$		1.00
		Đường có chiều rộng $\geq 3,5\text{m}$ (đã bê tông hóa)		1.00
6	Khu dân cư còn lại			1.00

Phụ lục XV**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG ANA***(Kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh)***I. ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
	Thị trấn Buôn Tráp			
1	Bà Triệu	Nơ Trang Gưh	Hoàng Văn Thụ	1.30
2	Lý Thường Kiệt	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1.30
		Hoàng Văn Thụ	Nơ Trang Long	1.30
		Nơ Trang Long	Nguyễn Thái Học	1.30
3	Hùng Vương	Bà Triệu	Lê Lợi, Lý Thường Kiệt	1.30
		Lê Lợi, Lý Thường Kiệt	Nguyễn Chí Thanh	1.30
4	Nơ Trang Gưh	Bà Triệu	Mai Hắc Đế	1.30
		Mai Hắc Đế	Cao Thắng	1.30
		Cao Thắng	Y Bih Alêo	1.30
		Y Bih Alêo	Nguyễn Bình Khiêm	1.30
		Nguyễn Bình Khiêm	Bờ sông Krông Ana	1.30
5	Mai Hắc Đế	Nơ Trang Gưh	Hoàng Văn Thụ	1.30
6	Cao Thắng	Nơ Trang Gưh	Nơ Trang Long	1.30
7	Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương	Chu Văn An	1.30
		Chu Văn An	Ngã 3 đường vào xã Bình Hoà	1.30
8	Nguyễn Tất Thành (nội dài)	Ngã 3 đường vào xã Bình Hoà	Đầu đèo Cư Mbao	1.30
9	Chu Văn An	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1.30
	Chu Văn An nội dài	Nguyễn Chí Thanh	Giáp Hồ Sen	1.30
10	Nguyễn Chí Thanh	Hùng Vương	Chu Văn An	1.30
		Chu Văn An	Nguyễn Đình Chiểu	1.30
		Nguyễn Đình Chiểu	Giáp đường Nguyễn Du nội dài	1.30
11	Nguyễn Du	Chu Văn An	Lê Duẩn	1.30
		Lê Duẩn	Tôn Thất Tùng	1.30
		Tôn Thất Tùng	Hết Nhà trẻ Đội 3 Nông trường 1	1.30
		Hết Nhà trẻ Đội 3 Nông trường 1	Ngã ba buôn ÊCăm	1.30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
12	Lê Duẩn	Nguyễn Tất Thành	Ngã tư Nguyễn Du - Lê Duẩn	1.30
		Ngã tư Nguyễn Du - Lê Duẩn	Đến đường Ngô Quyền	1.30
13	Hẻm 1, 2 đường Lê Duẩn	Đường Lê Duẩn	Giáp tường rào Bệnh Viện huyện	1.30
		Đường Lê Duẩn	Đường đi vào Trung tâm dạy nghề	1.30
14	Đường số 1, 2, 3, 4	Lê Duẩn	Đường số 11	1.30
	Đường số 5	Đường số 10	Đường số 11	1.30
	Đường số 6	Đường số 10	Đường số 11	1.30
	Đường số 7	Lê Duẩn	Đường số 11	1.30
	Đường số 8	Lê Duẩn	Đường số 11	1.30
15	Đường số 9	Nguyễn Du	Đường số 4	1.30
		Đường số 7	Ngô Quyền	1.30
16	Đường số 10, 11	Đường Nguyễn Du	Đường số 4	1.30
		Đường số 4	Đường số 5	1.30
		Đường số 5	Đường số 6	1.30
		Đường số 6	Đường số 7	1.30
		Đường số 7	Đường Ngô Quyền	1.30
17	Lê Thánh Tông	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1.30
18	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1.30
19	Nguyễn Huệ	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1.30
20	Nguyễn Trãi	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	1.30
21	Lê Lợi	Hùng Vương	Chu Văn An	1.30
22	Trần Phú	Hùng Vương	Chu Văn An	1.30
23	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1.30
24	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	Lê Duẩn	1.30
25	Y Jút	Hùng Vương	Chu Văn An	1.30
26	Phan Đình Giót	Lê Thánh Tông	Chu Văn An	1.30
27	Ngô Quyền	Hùng Vương	Chu Văn An	1.30
		Chu Văn An	Lê Duẩn	1.30
		Lê Duẩn	Nguyễn Du	1.30
28	Hai Bà Trưng	Nguyễn Thi Minh Khai	Nguyễn Chánh	1.30
		Nguyễn Chánh	Hẻm Hai Bà Trưng (Chùa Thiện Đức)	1.30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
		Hẻm Hai Bà Trưng (Chùa Thiện Đức)	Đến hết đường	1.30
29	Võ Thị Sáu	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	1.30
30	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	1.30
31	Tôn Thất Tùng	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Du	1.30
32	Nguyễn Chánh	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	1.30
33	Phạm Sĩ	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	1.30
34	Y Ngông	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	1.30
35	Phan Đăng Lưu	Nơ Trang Gưh	Hai Bà Trưng	1.30
36	Hẻm Võ Thị Sáu	Võ Thị Sáu	Nguyễn Thị Minh Khai	1.30
37	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Du	Trần Hưng Đạo	1.30
38	Nguyễn Đình Chiểu	Ngô Quyền	Lê Quý Đôn	1.30
39	Lê Quý Đôn	Ngô Quyền	Trụ sở tổ dân phố 7	1.30
		Trụ sở tổ dân phố 7	Nguyễn Du nối dài	1.30
40	Hoàng Văn Thụ	Hoàng Diệu	Lý Thường Kiệt	1.30
		Lý Thường Kiệt	Mai Hắc Đế	1.30
		Mai Hắc Đế	Cao Thắng	1.30
41	Nơ Trang Long	Y Bih Alêô	Cao Thắng	1.30
		Cao Thắng	Nguyễn Khuyến	1.30
42	Huỳnh Thúc Kháng	Hùng Vương	Nơ Trang Long	1.30
43	Nguyễn Hữu Thọ	Hùng Vương	Đến hết đường	1.30
44	Phạm Ngũ Lão	Hùng Vương	Đến hết đường	1.30
45	Nguyễn Khuyến	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Thái Học	1.30
46	Hẻm của đường Mai Hắc Đế	Đầu đường Mai Hắc Đế	Đến hết đường	1.30
47	Hẻm của đường Nguyễn Chí Thanh	Đầu đường Nguyễn Chí Thanh	Hết nhà ông Kar Sơ Vinh	1.30
48	Tỉnh lộ 2	Giáp xã Ea Bông	Hết nhà văn hoá Buôn Rung	1.30
		Hết nhà văn hoá Buôn Rung	Đến cổng tràn Hồ Sen	1.30
49	Đường giao thông liên xã (Tỉnh lộ 10A)	Tỉnh lộ 2	Hết nhà văn hoá thôn Quỳnh Tân 3	1.30
		Hết nhà văn hoá thôn Quỳnh Tân 3	Hết ranh trường tiểu học Đình Tiên Hoàng	1.30
		Hết ranh trường tiểu học Đình Tiên Hoàng	Ranh giới xã Băng Adrênh	1.30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
50	Nhánh Tỉnh lộ 10A có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (Khoảng cách từ tỉnh lộ 10A đi vào 150 m)			1.30
51	Các đường giao với Tỉnh lộ 2, nhánh Tỉnh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (trừ các đường đã có nêu trên)			1.30
52	Các đường giao với Nơ Trang Gùh, có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (trừ các đường đã có nêu trên)			1.30
53	Hẻm Bà Triệu - Mai Hắc Đế	Bà Triệu	Mai Hắc Đế	1.30
54	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Phạm Ngũ Lão	1.30
55	Nguyễn Thái Học	Nguyễn Khuyến	Bùi Thị Xuân	1.30
56	Bùi Thị Xuân	Ngã ba Bùi Thị Xuân - đường Nơ Trang Long	Ngã tư Cao Thắng - đường Nơ Trang Long	1.30
57	Phạm Hồng Thái	Nơ Trang Gùh	Hai Bà Trưng	1.30
58	Hẻm 1, 2 Hùng Vương	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	1.30
59	Trần Bình Trọng	Nguyễn Tất Thành (nối dài)	Hết đường	1.30
60	Nguyễn Thông	Nguyễn Tất Thành (nối dài)	Hết đường	1.30
61	Ama Khê	Hai Bà Trưng	Nơ Trang Long	1.30
62	Phan Đình Phùng	Hai Bà Trưng	Đến hết đường	1.30
63	Y Ôn	Nơ Trang Gùh	Đến hết đường	1.30
64	Y Bính Alêô	Hai Bà Trưng	Đến hết đường	1.30
65	Ôi Ất	Nơ Trang Gùh	Ama Jhao	1.30
66	Nguyễn Bình Khiêm	Nơ Trang Gùh	Ama Jhao	1.30
67	Lý Tự Trọng	Ama Khê	Hết đường	1.30
68	Ama Jhao	Ama Khê	Hết đường	1.30
69	Đường N2	Đường số 11	Đường D4	1.30
70	Đường N3	Đường số 11	Đường D4	1.30
71	Đường N4	Đường số 11	Đường D4	1.30
72	Đường N5	Đường số 11	Đường D4	1.30
73	Đường N6	Đường số 11	Đường D4	1.30
74	Đường N7	Đường số 11	Đường D4	1.30
75	Đường D4	Đường N7	Đường N5	1.30
		Đường N5	Đường N4	1.30
		Đường N4	Đường N3	1.30
		Đường N3	Đường N2	1.30
76	Khu vực các trục đường khu dân cư còn lại			1.30

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
I	Xã Dray Sáp			
1	Tỉnh lộ 2	Giáp thành phố Buôn Ma Thuột	Giáp xã Ea Na	1.10
2	Đường đi buôn Kuốp 2	Ngã ba giáp Trụ sở thôn Dray Sáp	Hết ranh giới trường tiểu học Hà Huy Tập	1.10
		Hết ranh giới trường tiểu học Hà Huy Tập	Ngã ba An Na	1.10
		Từ ngã ba thôn An Na (Nhà ông Vũ Công Hồng)	Hết ranh giới nhà ông Phạm Ngọc Đạt (đi Buôn Kuốp)	1.10
3	Đường liên xã	Ngã ba thôn An Na	Giáp xã Ea Na	1.10
4	Đường thôn Đồng Tâm	Giáp Trụ sở thôn Dray Sáp	Giáp xã Hòa Phú (Buôn Ma Thuột)	1.10
5	Khu vực chợ Dray Sáp	Cầu sắt	Đường TL2 (hướng Buôn Ma Thuột)	1.10
		Giáp Trụ sở thôn Dray Sáp	Cầu sắt đi TL2 cũ (hướng đi Buôn Trấp)	1.10
6	Khu dân cư còn lại của các Thôn: An Na, Đồng Tâm, Dray Sáp, Đoàn Kết, xóm 4 Ka La			1.10
7	Khu dân cư còn lại của các Buôn: Ka La (trừ xóm 4 Ka La), Tuôr A, Tuôr B và Buôn Kuốp			1.10
II	Xã Ea Na			1.10
1	Tỉnh lộ 2	Đèo Ea Na (giáp xã Dray Sáp)	Đến giáp trường tiểu học Lê Hồng Phong	1.10
		Đến giáp trường tiểu học Lê Hồng Phong	Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	1.10
		Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	Ngã ba Nhà thờ Quỳnh Ngọc	1.10
		Ngã ba Nhà thờ Quỳnh Ngọc	Ngã ba nhà ông Thanh (Chợ Quỳnh Ngọc)	1.10
		Ngã ba nhà ông Thanh (Chợ Quỳnh Ngọc)	Bưu điện buôn Tor	1.10
		Bưu điện buôn Tor	Ngã ba (Lên đèo 556)	1.10
		Ngã ba (lên đèo 556)	Cổng chào Buôn Cuăh	1.10
		Cổng chào Buôn Cuăh	Giáp xã Ea Bông	1.10
2	Đường liên xã	Tỉnh lộ 2	Giáp xã Dray Sáp	1.10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
3	Đường liên thôn 1	Ngã ba Ea Tung (Đài tưởng niệm)	Hội trường thôn Tân Thắng	1.10
		Hội trường thôn Tân Thắng	Ngã ba đường vào buôn Draí	1.10
4	Đường liên thôn 2	Ngã ba Tinh lộ 2 (Chợ Quỳnh Ngọc)	Hết thôn Quỳnh Ngọc	1.10
		Hết thôn Quỳnh Ngọc	Hết Trụ sở thôn Quỳnh Ngọc 1	1.10
		Hết Trụ sở thôn Quỳnh Ngọc 1	Giáp bờ sông Krông Ana	1.10
5	Các đường giao với Tinh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (Trừ các đường đã nêu trên) từ Tinh lộ 2 vào 100 m			1.10
6	Khu dân cư còn lại			1.10
III	Xã Ea Bông			1.10
1	Tinh lộ 2	Giáp xã Ea Na	Đến cổng chào thôn Hoà Tây	1.10
		Đến cổng chào thôn Hoà Tây	Đến cổng chào thôn Hoà Đông	1.10
		Đến cổng chào thôn Hoà Đông	Hết ranh giới đất Trụ sở UBND xã Ea Bông	1.10
		Hết ranh giới đất Trụ sở UBND xã Ea Bông	Ngã ba đường vào Buôn Xá	1.10
		Ngã ba đường vào Buôn Xá	Giáp thị trấn Buôn Tráp	1.10
2	Tinh lộ 10	Tinh lộ 2	Đầu buôn Riăng	1.10
		Đầu buôn Riăng	Đầu thôn 10/3	1.10
		Đầu thôn 10/3	Giáp huyện Cư Kuin	1.10
3	Các đường giao với Tinh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (Thuộc thôn Hòa Trung, Hòa Tây, Hòa Đông và Buôn Kruế)			1.10
4	Các đường giao với Tinh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (Thuộc buôn M'blót)			1.10
5	Các đường giao với Tinh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (Trừ các đường đã nêu trên)			1.10
6	Các đường giao với Tinh lộ 10 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m vào 100 mét			1.10
7	Khu dân cư còn lại các thôn: Hòa Tây, Hòa Trung, Hòa Đông			1.10
8	Khu dân cư còn lại các buôn: Ea Kruế, M'blót, Nắc, Dham, H'Ma và Buôn Kô			1.10
9	Khu dân cư còn lại thôn, buôn: Riăng, Knul và thôn 10/3, buôn Sáh			1.10
IV	Xã Quảng Điền			1.10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
1	Tỉnh lộ 2	Giáp ranh xã Bình Hòa	Ngã 3 Cây Cóc	1.10
		Ngã 3 Cây Cóc	Hết Tỉnh Lộ 2	1.10
2	Đường giao thông liên xã	Chân đèo Cư Mbao	Sân bóng đá mini nhà ông Lang	1.10
		Sân bóng đá mini nhà ông Lang	Hết chợ Cây Cóc	1.10
3	Đường giao thông liên xã	Ngã ba Sơn Thọ (Giáp đường đèo Chư Bao)	Giáp xã Dur Kmăl	1.10
4	Đường liên Thôn 2	Tỉnh lộ 2	Hết đường nhựa Thôn 1	1.10
5	Đường liên Thôn 3	Tỉnh lộ 2	Cầu 1 (Thăng Bình 1)	1.10
6	Các đường giao với Tỉnh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m, từ Tỉnh Lộ 2 vào 100m (Trừ các đường đã có ở trên)			1.10
7	Khu dân cư còn lại			1.10
V	Xã Băng Adrênh			1.10
1	Đường giao thông liên xã (Tỉnh lộ 10A)	Giáp thị trấn Buôn Tráp	Hết chợ trung tâm cụm xã	1.10
		Hết chợ trung tâm cụm xã	Ngã ba buôn K62	1.10
		Ngã ba buôn K62	Giáp ranh huyện Cư Kuin	1.10
2	Đường giao thông liên xã	Ngã ba Cây Hương	Hết đất ông Hòa (Đường đi về Dur Kmăl)	1.10
		Hết đất ông Hòa (Đường đi về Dur Kmăl)	Giáp ranh xã Dur Kmăl	1.10
3	Khu dân cư còn lại của thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn Ea Brinh			1.10
4	Khu dân cư còn lại của thôn 4, buôn K62, buôn Cuê			1.10
VI	Xã Dur Kmăl			1.10
1	Đường giao thông liên xã	Giáp ranh xã Băng Adrênh	Hết trụ sở UBND xã Dur Kmăl	1.10
		Hết trụ sở UBND xã Dur Kmăl	Trạm Y tế xã	1.10
		Trạm Y tế xã	Chân đèo Buôn Triết	1.10
2	Đường giao thông liên xã	Ngã ba buôn Dur	Giáp ranh xã Quảng Điền	1.10
3	Đường giao thông liên xã	Trạm Y tế xã	Giáp ranh xã Băng Adrênh (Ra Ngã 3 Kinh tế Đảng)	1.10
4	Đường giao thông Buôn Triết	Cầu Buôn Dur 1	Cầu Buôn Triết (Nhà ông Hoà)	1.10
5	Khu dân cư còn lại			1.10

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Từ	Đến	
VII	Xã Bình Hoà			1.10
1	Tỉnh lộ 2	Giáp thị trấn Buôn Trấp	Hết ranh giới đất Phân hiệu 2 Mẫu giáo Sao Mai	1.10
		Hết ranh giới đất Phân hiệu 2 Mẫu giáo Sao Mai	Ngã ba đi cầu Ea Chai	1.10
		Ngã ba đi cầu Ea Chai	Đường vào Niệm phật đường Thiện Minh	1.10
		Đường vào Niệm phật đường Thiện Minh	Giáp xã Quảng Điền	1.10
2	Đường vào Quảng Điền	Ngã 3 đường giáp thị trấn Buôn Trấp	Đèo Chư Bao (Giáp xã Quảng Điền)	1.10
3	Các đường giao với Tỉnh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m, từ Tỉnh Lộ 2 vào 200m			1.10
4	Khu dân cư còn lại			1.10